

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 06 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ



Địa chỉ: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (024) 3555 1669

Fax: (024) 3555 1671

Website: <http://phaleminerals.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trần Hải Yến

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 090 494 1080

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017)

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Hà Nội - Tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán:	12.000 đồng/ cổ phiếu (đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu)
Tổng số lượng chào bán:	16.500.000.000 cổ phiếu, trong đó:
<i>Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:</i>	<i>15.000.000 cổ phiếu</i>
<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:</i>	<i>1.500.000 cổ phiếu</i>
Tổng giá trị chào bán:	180.000.000.000 đồng (không tính đến 1.500.000 cổ phiếu trả cổ tức)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3850 1686

Website: www.grantthornton.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38181888 Fax: 024.38181688

Website: <http://www.shs.com.vn>

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	iii
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về pháp luật	3
3. Rủi ro đặc thù	4
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	6
5. Rủi ro pha loãng.....	7
6. Rủi ro quản trị công ty	8
7. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.10	10
1. Tổ chức phát hành.....	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	20
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	20
7. Hoạt động kinh doanh	22
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	36
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	39
10. Chính sách đối với người lao động	46
11. Chính sách cổ tức	47
12. Tình hình tài chính	47
13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	55
14. Tài sản	68
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	69
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	71
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	71

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	71
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	71
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	72
1. Loại cổ phiếu.....	72
2. Mệnh giá	72
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	72
4. Giá chào bán dự kiến.....	72
5. Phương pháp tính giá	72
6. Phương thức phân phối	73
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	73
8. Đăng ký mua cổ phiếu	74
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	77
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	80
11. Các loại thuế có liên quan	80
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	82
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	83
1. Mục đích chào bán	83
2. Phương án khả thi	83
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	95
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	99
IX. PHỤ LỤC.....	100

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ	19
Bảng 2 - Cơ cấu cổ đông	20
Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu thuần	28
Bảng 4 - Cơ cấu lợi nhuận gộp	29
Bảng 5 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	36
Bảng 6 - Cơ cấu lao động của công ty	46
Bảng 7 – Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty	48
Bảng 8 – Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty	49
Bảng 9 – Tổng dư nợ vay của Công ty	50
Bảng 10 -Số dư các khoản phải thu	50
Bảng 11 – Số dư các khoản phải trả	52
Bảng 12– Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác	52
Bảng 13 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty	53
Bảng 14 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2018	68
Bảng 15 - Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng	68
Bảng 16 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018-2019	69
Bảng 17 - Kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của chi nhánh Nghệ An và Hải Phòng ..	95
Bảng 18 – Kế hoạch đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo	96
Bảng 19 - Kế hoạch bổ sung vốn lưu động	97
Bảng 20 - Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Sơ đồ 1 - Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	14
Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất tổng quát	31
Sơ đồ 3 – Quy trình sản xuất chi tiết	32

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

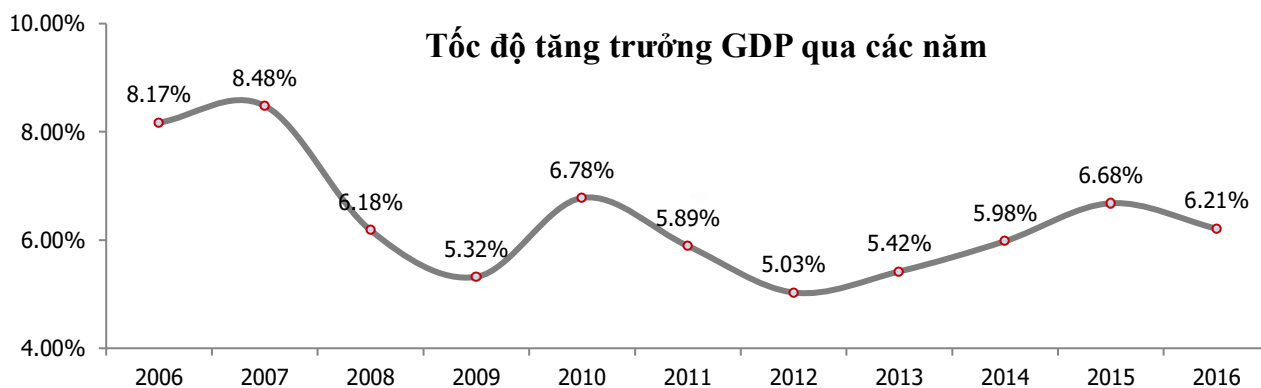
Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

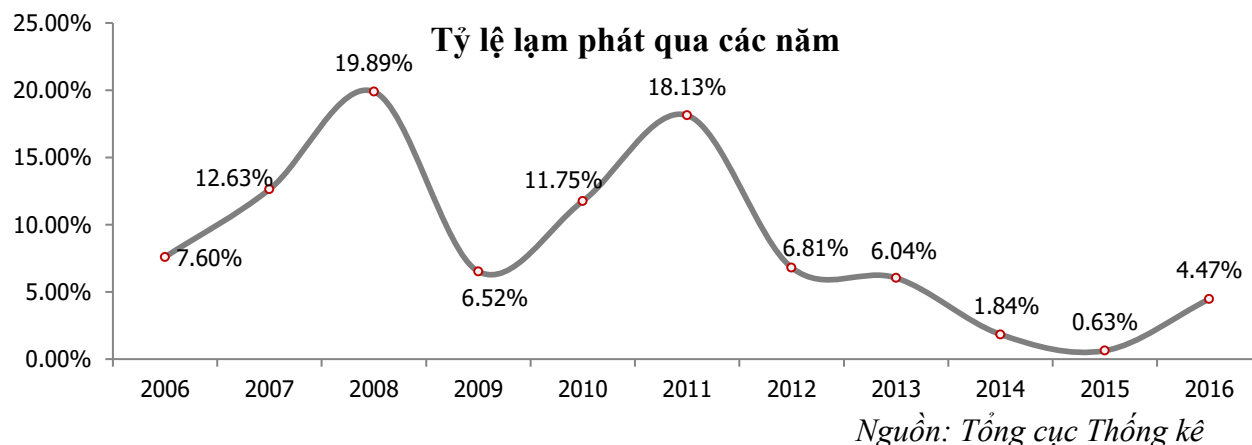
Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012 phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như: (i) hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, (ii) mặt bằng lãi suất cao, (iii) các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Bước sang giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, và tốc độ tăng GDP năm 2014 đạt 5,98%.

Bước sang năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, chỉ đạt 6,21% không đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP vẫn đạt trên 6%/năm, đây là một dấu hiệu khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Lạm phát



Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2016, tỷ lệ lạm phát lại tăng trở lại, lên mức 4,47%. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

1.1.3. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng đang trong xu hướng giảm do lãi suất huy động VNĐ đang tiếp tục giảm nhẹ. Lãi suất huy động kì hạn dưới 6 tháng trong năm 2016 ở mức 5,5%/năm và 6-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại chỉ còn ở mức 9-11%/năm đối với vay ngắn hạn và 11,5-12,5% đối với vay trung/dài hạn cho lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước còn tiếp tục giảm 0,3 – 0,5% lãi suất trung và dài hạn trong thời gian tới.

Các khoản vay hiện nay của Nhựa Pha Lê chủ yếu là vay dài hạn, với lãi suất dao động ở mức từ 7%/năm đến 11%/năm. Mục đích của những khoản vay này chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dự án mới của Công ty. Tuy lãi vay tạo ra gánh nặng tài chính, tuy nhiên những năm qua Công ty luôn thanh toán các khoản vay đúng hạn và luôn duy trì được mức đánh giá tín dụng tốt của các

ngân hàng. Đồng thời, với triển vọng phát triển trong thời gian tới, ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê tin tưởng rằng hoạt động của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi các khoản vay này..

1.1.4. Tỷ giá

Giai đoạn 2013 - 2014, biên độ điều hành tỷ giá tăng đều đặn ở mức 2%/năm theo đúng như định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Điều này đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua trong nước cũng đã được khôi phục.

Trong năm 2015, lường trước những thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể điều chỉnh lãi suất vào tháng 9/2015 và sự phá giá đồng Nhân dân tệ, Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều chỉnh linh hoạt, ba lần thực hiện điều chỉnh tỉ giá bình quân liên ngân hàng và hai lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá đồng thời công bố sẽ không điều chỉnh tỉ giá đến cuối năm 2015 đã giúp cho thị trường ngoại hối dần ổn định.

Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra chính sách tỷ giá mới: tỷ giá đóng cửa ngày hôm trước có thể làm tham chiếu cho tỷ giá mở cửa của ngày hôm sau trên thị trường liên ngân hàng đồng thời giảm dần việc neo vào USD trong điều hành tỷ giá mà thay bằng một rổ tiền tệ bao gồm các đồng tiền chủ chốt. Bước sang năm 2017, Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách tỷ giá linh hoạt. Chính sách này sẽ giúp triệt tiêu tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, giúp Ngân hàng trung ương có thể độc lập thực thi chính sách tiền tệ nhằm đạt được các mục tiêu quan trọng liên quan đến tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trong trung và dài hạn.

Ngoài nguyên liệu bột đá CaCO₃ được khai thác trực tiếp trong nước, phần lớn các nguyên liệu đầu vào của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu do đó chi phí nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá. Tuy nhiên, với đặc thù các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu đều được dùng để sản xuất hàng xuất khẩu, rủi ro về tỷ giá của Công ty đã được hạn chế đáng kể (chi phí tăng khi nhập khẩu sẽ được bù đắp bởi giá bán tăng do tỷ giá). Ngoài ra, nhà máy tại Hải phòng của Công ty cũng đang được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu và thuế VAT 0% khi nhập khẩu nguyên liệu dùng cho hoạt động xuất khẩu, qua đó lại càng giảm gánh nặng tài chính cho Công ty.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, cụ thể là khai thác đá trắng, hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không chỉ chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật Thương mại và còn cả hệ thống văn bản luật chuyên ngành như Luật Khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường, ... Đồng thời, là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ

phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Để tuân thủ đúng pháp luật, nhóm pháp chế trực thuộc Ban kiểm soát nội bộ thường xuyên cập nhật, đối chiếu các quy định của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và phổ biến đến từng bộ phận, chức năng chuyên môn. Đồng thời, các bộ phận chức năng chuyên môn cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi và nhận được sự hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ các cơ quan thẩm quyền. Các chuyên viên pháp chế rà soát 100% các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết. Khi cần thiết, Công ty có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp. Bên cạnh đó, trong hội đồng quản trị của công ty hiện nay đang có 2 thành viên có trình độ chuyên môn về luật; thêm vào đó, lại có kinh nghiệm trong lĩnh vực về ngành khai thác khoáng sản, nên việc cập nhật các quy định mới, để tuân thủ đúng luật pháp càng được chú trọng hơn nữa.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro về cân đối dòng tiền

Với danh mục nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa, Công ty luôn cần một lượng tiền lớn để đầu tư và phát triển. Trong một thời điểm nhất định, sự mất cân đối về dòng tiền thu và chi sẽ gây rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư, mua nguyên liệu có thể bị dừng khi thiếu vốn; tiền lương và các khoản vay nếu không được trả đúng hạn sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của công ty. Ngoài ra, giá hạt CaCO₃ Filler Masterbatch có thể biến động do quan hệ cung cầu trên thị trường, hay có thể tồn đọng vấn đề nợ khó đòi.

Công ty luôn đề cao quản lý chặt chẽ dòng tiền và xây dựng một cơ cấu vốn hợp lý giữa nguồn

vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Với khả năng giá sản phẩm có thể biến động trên thị trường, Nhựa Pha Lê sẽ cung cấp nguyên liệu với mức giá linh hoạt, cho phép dự án duy trì tỷ suất lợi nhuận bất kể giá cả dao động. Nhựa Pha Lê xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng với từng nhóm khách hàng cũng như thực hiện kế hoạch trả nợ nhà cung cấp để duy trì các khách hàng lớn đối với các sản phẩm của nhà máy, đồng thời luôn giữ chữ tín trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Rủi ro cạnh tranh và thị trường

Với mức biên lợi nhuận đang và tiềm năng phát triển lớn cao, những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất hạt nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ, tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh cho Nhựa Pha Lê.

Để kiểm soát rủi ro, Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Huy động thêm vốn để mở rộng quy mô sản xuất, sớm giành được thị phần và đạt được độ phủ thị trường lớn đối với sản phẩm Công ty; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quá sản phẩm, ...

Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực đòi hỏi hàm lượng chất xám và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Chất lượng sản phẩm được quyết định bởi hai yếu tố quan trọng nhất là chất lượng và sự ổn định nguồn nguyên liệu cũng như sự đồng đều của cỡ hạt đầu ra. Công ty hiện nay đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy.

Để hạn chế rủi ro về chất lượng, Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro; Xây dựng kế hoạch kế thừa các cấp hàng năm; Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa; Tiếp tục chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng; Thanh lọc lực lượng nhân sự đảm

bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nêu cao tinh thần dấn thân và tính trung thành. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại những đơn vị sản xuất bột đá đã vận hành trên 10 năm nay.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

❖ Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường, giá cổ phiếu biến động mạnh nên đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- ✓ Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.
- ✓ Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với các ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết. Phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và làm giảm lợi nhuận.

Theo đánh giá của Nhựa Pha Lê, với triển vọng tăng trưởng như hiện tại thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

❖ Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty chủ yếu được dùng để đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của 2 nhà máy tại Nghệ An và Hải Phòng và bổ sung vốn lưu động. Tuy việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất dự kiến sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty, nhưng hiệu quả thực tế của dự án sẽ chỉ được phản ánh trong dài hạn. Vấn đề này có thể tạo nên những rủi ro nhất định đến tính hiệu quả của những đồng vốn mới huy động trong giai đoạn trước mắt, đặc biệt nếu thị trường có những biến động bất lợi khiến do kết quả kinh doanh của dự án đầu tư không đạt được như kỳ vọng trong thời gian đầu. Để hạn chế những rủi ro này,

Công ty tăng cường đẩy mạnh công tác quản trị, trong đó chú trọng đến quản trị dòng tiền và quản trị việc thực hiện các dự án theo đúng tiến độ.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2018 dự kiến là 16.500.000 cổ phiếu (trong đó số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 1.500.000 cổ phiếu, số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 15.000.000 cổ phiếu) chiếm 110% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

❖ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Giá của một loại hàng hóa phụ thuộc rất lớn vào cung - cầu trên thị trường của hàng hóa đó. Nếu nguồn cung lớn, cầu ít thì giá sẽ tăng và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng không nằm ngoài quy luật trên. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của Công ty sẽ làm tăng nguồn cung cổ phiếu ra thị trường, như vậy, rủi ro bị pha loãng giá cổ phiếu có thể sẽ xảy ra làm cho giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường giảm xuống.

Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức:

Đối với cổ phiếu trả cổ tức

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1}}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

Trong năm 2018 Nhựa Pha Lê dự kiến sẽ phát hành 1.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 10% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

Trong năm 2018 Nhựa Pha Lê dự kiến sẽ chào bán 15.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Với giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 100,00% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Như vậy, có thể nói, giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và EPS của Công ty có nguy cơ bị giảm do tác động pha loãng. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Việc tăng vốn điều lệ sẽ giúp cho Nhựa Pha Lê tăng năng lực sản xuất, tăng khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn, tăng uy tín và thương hiệu trên thị trường, từ đó gia tăng số hợp đồng ký kết. Tuy nhiên, quy mô vốn tăng lên khiến cho quy mô hoạt động cũng như khối lượng công việc tăng lên, từ đó tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nếu bộ máy điều hành hoạt động không hiệu quả.

Tính đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm nhiều cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực, từ khai khoáng đến sản xuất, công nghệ trong ngành nhựa cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của Công ty. Các thành

viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trực tiếp nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động. Một số thành viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách, cho nên tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả.

Hoạt động trực tiếp theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Ban điều hành của và quy mô hoạt động gồm những cá nhân có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt được xu thế thị trường và thực thi đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành gồm Tổng giám đốc điều hành chung và các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc. Ban điều hành có chức năng cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được Công ty đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho Hội đồng quản trị các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông của Nhựa Pha Lê cũng đã bầu ra một Ban kiểm soát hoạt động tích cực, thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động của Công ty.

Với bộ máy lãnh đạo tâm huyết và chuyên nghiệp, cùng hệ thống các quy trình, quy định quản trị nội bộ chặt chẽ, Nhựa Pha Lê hoàn toàn tự tin vào việc đảm bảo khả năng quản trị, năng lực quản lý phù hợp với quy mô vốn và quy mô hoạt động mới.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: **Mai Thanh Phương** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Ông: **Đình Đức Tuấn** Chức vụ: **Trưởng ban Kiểm soát**

Bà: **Trịnh Thị Bội Giao** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Đại diện theo pháp luật:

Ông: **Vũ Đức Tiến** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do **Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn phát hành với **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê** cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/PLP/ Nhựa Pha Lê	: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
CTCP	: Công ty cổ phần
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
VĐL	: Vốn điều lệ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBNV	: Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
BCTC KT	: Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	: Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- ✓ Tên công ty: **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**
- ✓ Tên tiếng Anh: **Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company**
- ✓ Tên viết tắt: **Nhựa Pha Lê**
- ✓ Trụ sở chính: **Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.**
- ✓ Địa chỉ liên hệ: **Văn phòng Hà Nội - Tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.**
- ✓ Vốn điều lệ đăng ký: **150.000.000.000 đồng**
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: **150.000.000.000 đồng**
- ✓ Điện thoại: **(+84-24) 3555 1669 Fax: (+84-24) 3555 1671**
- ✓ Website <http://phaleminerals.com.vn/>
- ✓ Logo của Công ty:



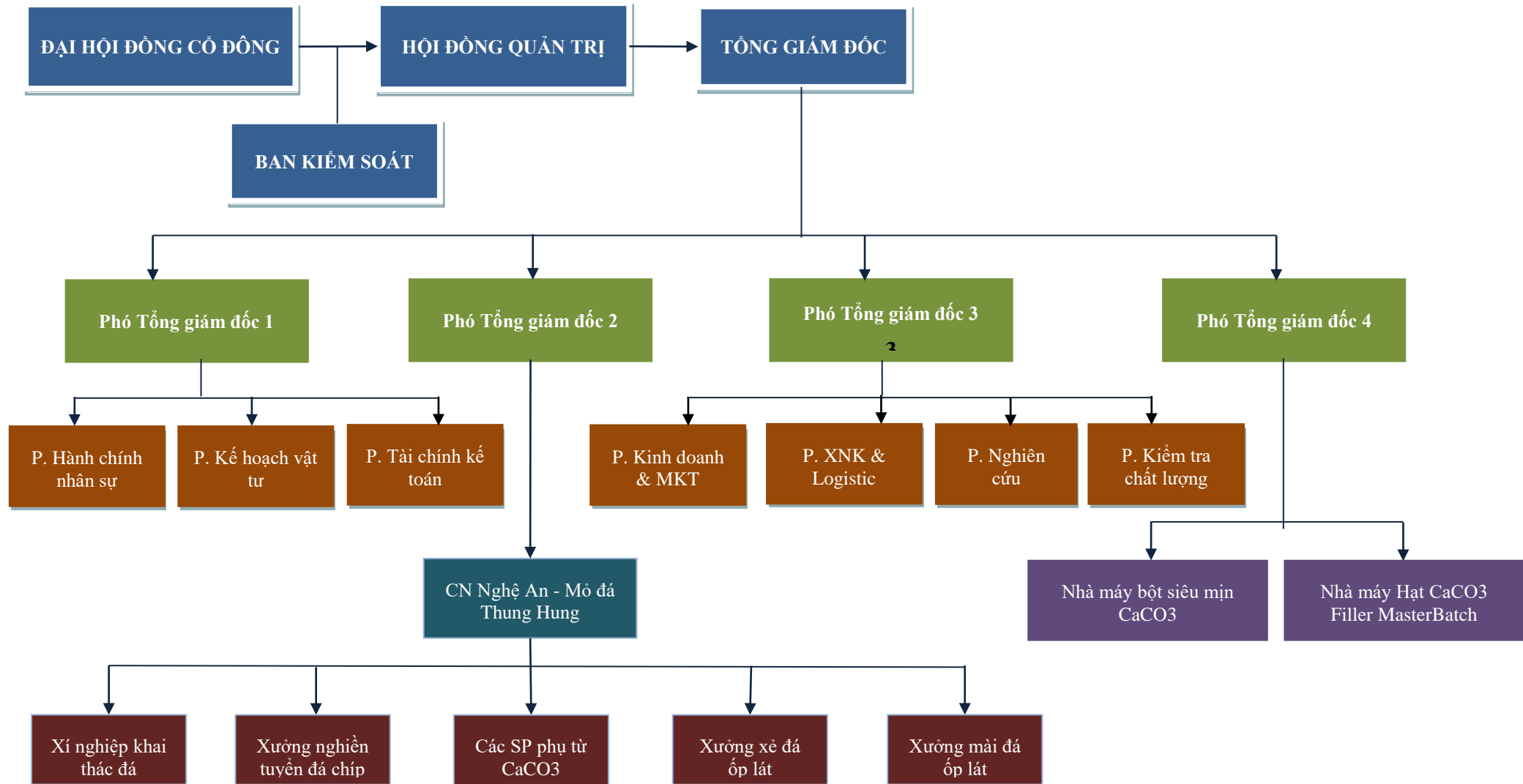
- ✓ Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Thanh Phương; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- ✓ **Giấy chứng nhận ĐKKD:** số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017
- ✓ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**
 - Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
 - Sản xuất sản phẩm từ plastic
 - Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm	Thành lập & Phát triển
10 / 2008	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng
10/ 2009	Công ty được UBND Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản tại khu vực Thung Hung, xã châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An, thời hạn cấp phép là 5 năm
2010 – 2013	Thành lập Chi nhánh Nghệ An tại Mỏ Thung Hung, xây dựng bộ máy quản lý và giải phóng mặt bằng, làm đường mở moong khai thác.
04/ 2014	Đầu tư xây dựng Xưởng khai thác đá với công suất 100 tấn / giờ và Xưởng tuyển đá chip với công suất 30 tấn/ giờ tại Mỏ Thung Hung.
09/ 2014	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất đá CaCO ₃ tại Quỳnh Hợp Nghệ An đi vào hoạt động với sản lượng 199.680 tấn/ năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận
10 / 2014	Công ty được Ban quản lý KTT Hải phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư Dự Án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN “ tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với diện tích 20.000 m ² đất, công suất 108.000 tấn/ năm.
12 / 2014	Công ty được Ban quản lý KTT Hải phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh Dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN& PHỤ GIA NGÀNH NHỰA” tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với quy mô sản xuất bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/ năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/ năm
09 / 2015	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 1 đưa 04 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động. Gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An với thời hạn khai thác là 22 năm (tính từ tháng 10/2015).
2016	Hoàn thành lắp đặt và đi vào vận hành 04dây chuyền sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ Filler Masterbatch đi vào hoạt động.
05/ 2017	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồngvới mục đích tăng vốn lưu động và mua tài sản cố định.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ 1 - Cơ cấu bộ máy quản lý công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển Công ty
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

❖ Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Nhựa Pha Lê theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty có 07 phòng, ban chức năng, bao gồm:**

Phòng Hành chính quản trị

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của công ty.
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc.
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Tổng Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty.
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGD và Người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

Phòng Tài chính, kế toán

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính- Kế toán - Tín dụng của Công ty

- Kiểm soát bằng đồng tiền cách hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý chi phí của Công ty.
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty

Phòng Kế hoạch, Vật tư

Phòng kế hoạch & vật tư là một bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý và xây dựng kế hoạch SXKD trong theo định hướng phát triển của Công ty
- Công tác thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế các loại: Hợp đồng mua bán VLNCN, hợp đồng mua bán các loại vật tư, thiết bị, ...
- Công tác điều độ sản xuất, công tác thống kê kế hoạch SXKD, công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.
- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

Phòng Kinh doanh & Marketing

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc về:

- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty
- Công tác đầu tư và phát triển kinh doanh
- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty
- Công tác quản lý kinh tế
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh
- Hỗ trợ kinh doanh chi nhánh trong Công ty
- Trực tiếp kinh doanh các sản phẩm của Công ty
- Tiếp thị, tìm kiếm công việc, phát triển thị trường
- Công tác đầu tư phát triển dự án, quản lý và khai thác các dự án đảm bảo hiệu quả cao

và mục tiêu phát triển của Công ty.

Phòng Xuất nhập khẩu

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giúp Ban Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, logistic

- Chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu,
- Lập và triển khai các kế hoạch nhằm đáp ứng tiến độ xuất hàng
- Thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp: vận tải, bảo hiểm
- Xử lý các thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu, các vấn đề phát sinh khi thông qua: hồ sơ, chứng từ
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan
- Tham mưu cho Ban giám đốc các ý tưởng nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC)

- Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: nguyên liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu

Phòng nghiên cứu kỹ thuật công nghệ (QA)

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng. Phòng QA có nhiệm vụ:

- Đánh giá nội bộ hệ thống Quản lý chất lượng hàng năm của công ty.
- Tham gia các hoạt động cải tiến sản xuất.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Phối hợp với bên sản xuất khi có khách hàng đánh giá công ty
- Đánh giá nhà cung cấp, chất lượng hàng hóa
- Thực hiện việc huấn luyện cho các bộ phận liên quan về việc áp dụng hệ thống, tiêu chuẩn và quy trình cũng như những thay đổi của hệ thống và quy trình cho phù hợp với thực tế.

Các Nhà máy / Chi nhánh

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các xưởng sản xuất, hành chính, kế toán, QC, Kỹ thuật, kho vận, ANAT.

Với mô hình tổ chức quản lý như vậy, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận/ phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Mai Thanh Phương	030071000108	Số 17/117 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam	3.900.000	26,00
Dương Quang Thắng	027072000074	Tổ 24 Trung Hòa - Cầu giấy, Hà Nội	1.500.000	10,00
Đặng Tiến Thành	013298029	Tổ 29, phường Yên Sở, quận quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	1.000.000	6,67
CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	71/GCNTVLK	Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	1.369.000	9,13
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN FUND MANAGEMENT LTD, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	1.796.400	11,98

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng			9.565.400	63,78

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 20/03/2018)

Danh sách người có liên quan tới cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty được gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chào bán đợt này.

Danh sách cổ đông sáng lập: Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/11/2008. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

Bảng 2 - Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	795	12.856.020	85,71%
* Cá nhân	791	11.440.620	76,27%
* Tổ chức	4	1.415.400	9,44%
II. Cổ đông nước ngoài	13	2.143.980	14,29%
* Cá nhân	11	288.600	1,92%
* Tổ chức	2	1.855.380	12,37%
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	808	15.000.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 20/03/2018)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ của Nhựa Pha Lê

Không có

Công ty mà Nhựa Pha Lê nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, vốn điều lệ thành lập của Nhựa Pha Lê là 100 tỷ đồng. Trong

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

quá trình hoạt động, Công ty có một lần tăng vốn lên 150 tỷ đồng vào năm 2017.

Chi tiết về đợt tăng vốn như sau:

- ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 100.000.000.000 đồng
- ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 150.000.000.000 đồng
- ✓ Mệnh giá: 1.000.000 đồng
- ✓ Tổng số lượng cổ phần trước phát hành: 100.000 cổ phần
- ✓ Tổng số lượng cổ phần sau phát hành: 150.000 cổ phần (công ty thực hiện đổi mệnh giá cổ phần từ 1.000.000 đồng xuống còn 10.000 đồng sau khi tăng vốn, làm tăng số lượng cổ phần sau phát hành lên 15.000.000 cổ phần)
- ✓ Số lượng cổ đông trước phát hành: 3 cổ đông
- ✓ Số lượng cổ đông sau phát hành: 4 cổ đông

Trong đó:

Đối tượng được mua cổ phần	Nội dung chi tiết
- Đối tượng phát hành	- Ông Mai Thanh Phương mua 32.500 cổ phần - Ông Dương Quang Thắng mua 7.500 cổ phần - Ông Nguyễn Hồ Hưng mua 5.000 cổ phần - Ông Đặng Tiến Thành mua 5.000 cổ phần
- Hình thức góp vốn	Chuyển khoản ngân hàng
- Giá phát hành	1.000.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có.
- Thời điểm hoàn thành	Tháng 05/2017

- ✓ Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng.
- ✓ Mục đích sử dụng vốn: Mua tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động.
- ✓ Căn cứ pháp lý: Quyết định ĐHCĐ số 160/2017/QĐ - ĐHCĐ, Giấy chứng nhận ĐKKD cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được thành lập vào năm 2008. Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt văn phòng tại Hà Nội và có hai nhà máy chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An. Hiện tại Nhựa Pha Lê đang thực hiện thăm dò tại 3 mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An và đặc biệt là sở hữu quyền khai thác tại mỏ đá CaCO₃ tại núi Thung Hung, Quỳnh Hợp có diện tích trên 5 ha được đánh giá là một trong những nguồn đá CaCO₃ có chất lượng tốt nhất trên thế giới xét về độ sáng và độ trắng với trữ lượng dồi dào.



Ảnh: Mỏ đá Thung Hung tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Với nguồn nguyên liệu thô sẵn có, trong 8 năm qua Nhựa Pha Lê đã tập trung đầu tư vào các phương pháp khai thác tiên tiến nhất đặc biệt là công nghệ xử lý để có thể chủ động quản lý chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất nhằm đáp ứng thị trường nội địa cũng như quốc tế với sản lượng từ 300.000 đến 500.000 tấn một năm.

Giai đoạn 2014 – 2016, nắm bắt được thông tin về các chính sách ưu đãi của Nhà nước, Nhựa Pha Lê đã xây dựng nhà máy và các cơ sở sản xuất của mình tại vị trí chiến lược: Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng, nơi công ty đã được cấp giấy phép xây dựng cho nhà máy chuyên sản xuất bột siêu mịn CaCO₃ và sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ FillerMasterbatch, bao bì, ... Sản lượng sản xuất thiết kế bột siêu mịn CaCO₃ hàng năm đạt mức 150.000 đến 200.000 tấn và hạt nhựa CaCO₃ FillerMasterbatch đạt sản lượng 96.000 tấn/năm.



Ảnh: Nhà máy sản xuất hạt Filler Masterbatch tại Hải Phòng.

Nhựa nhựa CaCO₃ Filler Masterbatch được ứng dụng trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Ngoài việc sở hữu mỏ đá và nhà máy, Nhựa Pha Lê là công ty duy nhất tại Việt Nam có thể thực hiện và kiểm soát toàn bộ quy trình khép kín từ khai thác, chế biến, sản xuất, và cung cấp cho người dùng cuối.

Công ty hiện đang xây dựng mô hình kinh doanh của mình một cách toàn diện để đảm bảo giao hàng nhanh nhất cũng như chất lượng được giám sát chặt chẽ và kiểm soát dễ dàng ở bất kỳ giai đoạn nào. Nhờ việc duy trì được một đội ngũ nhân viên xuất sắc và mô hình logistics tối ưu nhất. Nhựa Pha Lê đã thành công trong việc giữ giá cả cạnh tranh nhưng vẫn sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao với thời gian giao hàng chuẩn xác tới khách hàng.

- Các sản phẩm từ đá CaCO₃:

Canxi Cacbonat (CaCO₃) là một trong những vật liệu hữu ích và linh hoạt nhất đối với loài người, rất phổ biến và được tìm thấy trên khắp thế giới trong trầm tích, đá biến chất và đá lửa. Hình thức tự nhiên phổ biến nhất của đá CaCO₃ là đá phấn, đá vôi, đá cẩm thạch được hình thành từ các trầm tích của vỏ ốc nhỏ hóa thạch, sò và san hô qua hàng triệu năm.

Đá CaCO₃ nằm trong hơn 4% của lớp vỏ trái đất và được tìm thấy trên khắp thế giới, đó là lý do tại sao đó là một trong những vật liệu thô được sử dụng rộng rãi nhất trong hơn 5000 năm qua. Tuy nhiên, mặc dù các mỏ quặng khá phong phú, nhưng chỉ có một số ít là có chất lượng đủ cao để được đưa vào sử dụng và thậm chí một số mỏ sẽ ưu tiên cung cấp nguyên

liệu thô phục vụ cho công nghiệp và nông nghiệp hơn là các ngành công nghiệp xây dựng công trình và đường xá.

Từ nguồn nguyên liệu đá CaCO₃ phong phú được khai thác từ mỏ đá nằm tại Quỳnh Hợp, Nghệ An, Nhựa Pha lê đã phân loại, kiểm soát và xử lý triệt để sau đó nghiền thành bột đá. Pha Lê sử dụng máy nghiền và công nghệ tiên tiến đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo độ trắng sáng và theo nhu cầu của khách hàng. Tiếp đó bột đá được phân loại thành các nhóm với nhiều mục đích sử dụng khác nhau, được đóng gói và vận chuyển đến khách hàng qua đường bộ hoặc đường thủy.

Một số sản phẩm chủ yếu:

Sản phẩm đá CaCO₃



Sản phẩm bột đá

Bột đá cho thức ăn chăn nuôi



- Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch

Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch là hợp chất phụ gốc Calcium carbonate (CaCO₃) được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi thuộc tính khác nhau của nhựa

nền hoặc nhựa polyme. Đây là công thức đặc biệt bằng cách pha trộn kép polyolefin với Calcium Carbonate siêu mịn trong quá trình ép nhựa, mục đích để giảm giá thành sản phẩm cho khách hàng. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch được sản xuất từ sản phẩm bột đá Cacbonat canxi - CaCO₃ với tỷ lệ từ 70% đến 85% có tráng phủ axit béo trên nền nhựa Polyolefin. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch thành phẩm được sử dụng làm chất độn cho sản xuất bao bì PP, PE, ép đùn, ép phun, cán màng,... cho các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.



Ứng dụng sản phẩm cho các ngành công nghiệp:

- *Sản xuất tấm trần – khung – cửa nhựa:* Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch được sử dụng rộng rãi trong nhựa PVC cứng và được ứng dụng nhiều nhất trong sản xuất ống nhựa và tấm trần. Sử dụng sản phẩm hạt CaCO₃ Filler Masterbatch làm gia tăng độ bền sản phẩm, độ phân tán trong hóa chất nhựa tốt hơn, độ bóng sản phẩm đạt được tối ưu, cải tiến quá trình sản xuất. Vì vậy hạt CaCO₃ Filler Masterbatch là một loại nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất những loại sản phẩm này. Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch có ảnh hưởng lớn đến những đặc tính của sản phẩm như là độ bền trong môi trường tự nhiên, thời gian sử dụng sản phẩm, do đó lựa chọn đúng loại hạt CaCO₃ Filler Masterbatch để sử dụng làm nguyên liệu là rất quan trọng
- *Sản xuất ống nhựa PVC và phụ kiện nhựa:* Sử dụng sản phẩm hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong nhựa Polyolefin sẽ tạo độ cứng cao hơn, cải thiện quá trình sản xuất, rút ngắn thời gian và giảm chi phí. Trong phụ kiện chủ yếu làm tăng lợi nhuận.

Đối với ống PVC chịu áp lực thường sử dụng hạt CaCO₃ Filler Masterbatch độn với hàm lượng ít vì để tạo cho sản phẩm ống chịu được áp lực mức cao nhất, bề mặt sản phẩm láng bóng nhất và chịu được tác động bề mặt. Cũng như những sản phẩm trên, chất lượng CaCO₃ Filler Masterbatch là chìa khóa để sản phẩm thành công trên thị trường trong việc sản xuất ống cấp thoát nước PVC và phụ kiện nhựa.

- *Sản xuất dây cáp điện (nhựa Polyolefin):* tỷ trọng hạt FillerMasterbatch được sử dụng ngày càng tăng với mục đích để giảm giá thành, bên cạnh đó CaCO₃ FillerMasterbatch có thể xem như chất chống cháy (nếu kết hợp đúng với loại nhựa và phụ gia khác).

Để đạt được chi phí hiệu quả nhất, nhà sản xuất dây cáp điện có thể chọn nhiều loại CaCO₃ FillerMasterbatch cho nhiều loại dây cáp, từ loại dây cáp có lớp cách điện mỏng cho đến loại dây cáp có lớp cách điện dày.
- *Sản xuất màng:* Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất những màng mỏng cho đến sản xuất những tấm dày, làm tăng các tính chất hóa học và cải thiện năng suất sản xuất. Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch làm giảm chi phí sản xuất, tăng độ cứng, độ bền trong việc làm chất độn cho các sản phẩm. Công nghệ sản xuất màng được ứng dụng trong sản xuất những sản phẩm nhựa rộng rãi, sản xuất từ những màng nhựa thoát hơi cho đến màng bọc đúc ép cũng như là những tấm chịu nhiệt. Sử dụng Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm màng nhựa thoát hơi với những lỗ nhỏ li ti có những ưu điểm vượt trội đặc biệt liên quan đến vấn đề vệ sinh, Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch là chất hoạt động trong trường hợp này, cung cấp cho lớp màng với những tính chất đặc biệt cho phép thoát hơi thông qua hệ thống lỗ nhỏ li ti. Đối với màng bọc đúc ép, hạt CaCO₃ Filler Masterbatch giúp giảm chi phí giá thành trong sản xuất và cải tiến chất lượng bọc, hạt CaCO₃ FillerMasterbatch được sử dụng trong nhựa LDPE, LLDPE, HDPE và PP.
- *Sản xuất sợi:* Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch thường được sử dụng trong nhựa PE hoặc túi PP, dệt túi PP chống ảnh hưởng của việc phân đoạn hoặc chống ảnh hưởng của việc kết sợi.
- *Sản xuất hạt Polyolefin:* Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch còn thích hợp trong sản xuất hạt Polyolefin nhằm giảm phân đoạn định hình nhựa PP, tăng độ cứng, giảm lượng Titan oxit và giảm lượng nguyên vật liệu.
- *Các sản phẩm đúc:* Khi sử dụng sản phẩm Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch trong sản xuất sản phẩm đúc, độ cứng và độ bền sẽ được cải tiến dẫn đến tiết kiệm chi phí.
- *Thổi khuôn:* Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch được ứng dụng trong thổi khuôn để sản xuất chai lọ hoặc những sản phẩm dùng làm vật chứa sẽ có những ưu điểm, bằng cách lựa chọn những loại nguyên liệu nhựa phù hợp với Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch thì nhà sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm hoặc vật chứa có trọng lượng cân bằng và giảm chi phí.
- *Phun khuôn:* Sử dụng sản phẩm Hạt CaCO₃ FillerMasterbatch trong phun khuôn là một giải pháp đã được chứng minh cải tiến tính chất sản phẩm và quá trình sản xuất. Nó thường được sử dụng rộng rãi trong sản xuất phụ tùng, thiết bị, sản phẩm gia đình và trong ngành công

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

nghiệp tự động.

7.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm

Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	2016		2017		9 tháng/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Filler Masterbatch	101.936	79,38%	268.219	85,40%	312.932	88.80%
2	Đá hoa trắng và bột đá	15.101	11,76%	42.598	13,56%	36.284	10.30%
3	Sản phẩm khác	11.383	8,86%	3.249	1,03%	3.203	0.91%
	Tổng cộng	128.420	100%	314.066	100%	352.419	100%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Trước năm 2016 sản phẩm chủ yếu của Công ty là đá CaCO₃ ở dạng nguyên liệu khai thác trực tiếp từ mỏ đá Thung Hung. Nhờ đánh giá được nhu cầu thị trường và nắm bắt được công nghệ sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch từ nguyên liệu đá CaCO₃, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư dây chuyền nghiền tuyển đá tại Nghệ An và dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng. Kết quả là, từ khi được đưa vào vận hành, hai dây chuyền sản xuất này đã giúp Nhựa Pha Lê đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu gần gấp 3 lần từ 128 tỷ đồng năm 2016 lên 314 tỷ đồng năm 2017. Về cơ cấu doanh thu thuần, hạt nhựa Filler Masterbatch là sản phẩm chủ đạo của Công ty khi luôn đóng góp từ 80% đến 88% trong cơ cấu doanh thu thuần. Đây cũng là sản phẩm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, từ 101 tỷ đồng năm 2016 lên 268 tỷ đồng năm 2017. Bên cạnh sản phẩm hạt Filler Masterbatch, Nhựa Pha Lê cũng sản xuất các sản phẩm từ đá CaCO₃ như đá chip CaCO₃, bột đá mịn với doanh thu đạt 15 tỷ đồng năm 2016 và 42 tỷ đồng năm 2017. Các sản phẩm khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ nhất và đang có xu hướng giảm dần, từ 11 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 3 tỷ đồng năm 2017.

Bước sang năm 2018, hoạt động của Nhựa Pha Lê được chuyển dịch sang chủ yếu sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, với doanh thu đạt 313 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 88,8% doanh thu thuần. Mảng sản phẩm từ đá CaCO₃ và bột đá tuy tỷ trọng giảm xuống còn 10,3%, nhưng giá trị cũng đạt 36 tỷ đồng, hơn gấp đôi doanh thu cả năm 2016 và 85% doanh thu năm 2017 (tính riêng mảng đá CaCO₃ và bột đá)

Bảng 4 - Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	2016		2017		9 tháng/2018	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Filler Masterbatch	18.619	14,50%	87.445	27,84%	70.775	20,08%
2	Đá hoa trắng và bột đá	1.435	1,12%	10.227	3,26%	10.103	2,87%
3	Sản phẩm khác	758	0,59%	-3.143	-1,00%	196	0,06%
	Tổng cộng	20.812	16,21%	94.529	30,10%	81.074	23,01%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Tương tự như cơ cấu doanh thu, cơ cấu lợi nhuận gộp của Nhựa Pha Lê những năm qua chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất Filler Masterbatch. Lợi nhuận gộp sản xuất hạt Filler tăng hơn 4 lần, từ 18 tỷ đồng năm 2016, chiếm 14,5% doanh thu thuần, lên 87 tỷ đồng năm 2017 và chiếm 27,84% doanh thu thuần. Tiếp theo là sản phẩm từ đá hoa trắng và bột đá, khi mang lại lợi nhuận gộp 1,43 tỷ đồng năm 2016, trước khi tăng lên hơn 10 tỷ đồng năm 2017. Tuy các sản phẩm khác không mang lại nhiều lợi nhuận và thậm chí còn bị âm trong năm 2017, với tốc độ tăng trưởng của sản phẩm Filler, tổng lợi nhuận gộp của Nhựa Pha Lê nhìn cũng đang tăng trưởng nhất nhanh, từ 20 tỷ đồng năm 2016 lên 94 tỷ đồng năm 2017. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu cũng tăng trưởng từ 16% lên 30% trong năm 2017 cho thấy khả năng quản lý ngày càng tốt của Nhựa Pha Lê. Đồng thời, đây cũng là đặc điểm thường thấy của các doanh nghiệp sản xuất, do khi doanh thu tăng các chi phí gián tiếp (khấu hao, chi phí sản xuất chung, ...) sẽ được phân bổ đều hơn và chiếm tỷ trọng nhỏ dần trong tổng chi phí.

Bước sang năm 2018, sản phẩm Filler Masterbatch tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động của Nhựa Pha Lê, với lợi nhuận gộp đạt 70 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm, chiếm 20,08% doanh thu thuần và tiếp tục chiếm phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.

7.3. Báo cáo tình hình đầu tư

Hiện nay, Nhựa Pha Lê đang là chủ sở hữu giấy phép khai thác số 3453/GP-UBND ngày 10/08/2015 do UBND tỉnh Nghệ An cấp tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Tổng diện tích khai thác là 5,24 ha (không bao gồm khu vực phụ trợ). Tổng trữ lượng khai thác bao gồm: 1.407.649 m³ đá hoa làm vật liệu xây dựng thông thường, 120.462 m³ đá hoa trắng làm ốp lát các loại và 168.536 m³ đá hoa trắng làm bột CaCO₃. Tổng công suất khai thác là 120.000 m³/năm với thời gian khai thác là 22 năm tính từ thời điểm cấp phép.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Nắm bắt ưu thế về việc sở hữu quyền khai thác mỏ cùng xu thế thị trường và công nghệ sản xuất, từ năm 2014, Nhựa Pha Lê đã triển khai đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng. Chi tiết dự án như sau:

❖ **Giới thiệu chung về dự án**

- **Tên dự án:** Đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng
- **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
- **Địa điểm dự án**

Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An	Mỏ đá Thung Hung, Bản Hạt, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
-----------------------------------	--

Nhà máy bột siêu mịn CaCO ₃ & hạt CaCO ₃ Filler Masterbatch	Khu công nghiệp MP Đình Vũ - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải - Hải Phòng
---	--

- **Ưu thế của dự án**

Xưởng nghiền tuyển đá được đặt ngay tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Mỏ đá Thung Hung cũng có vị trí khá gần với các cảng biển như cảng Cửa Lò, cảng Nghi Sơn. Vị trí của mỏ và xưởng nghiền tuyển đá giúp Công ty giảm thiểu được chi phí vận chuyển từ mỏ đá, xưởng đến cảng biển và từ cảng biển đến khách hàng.

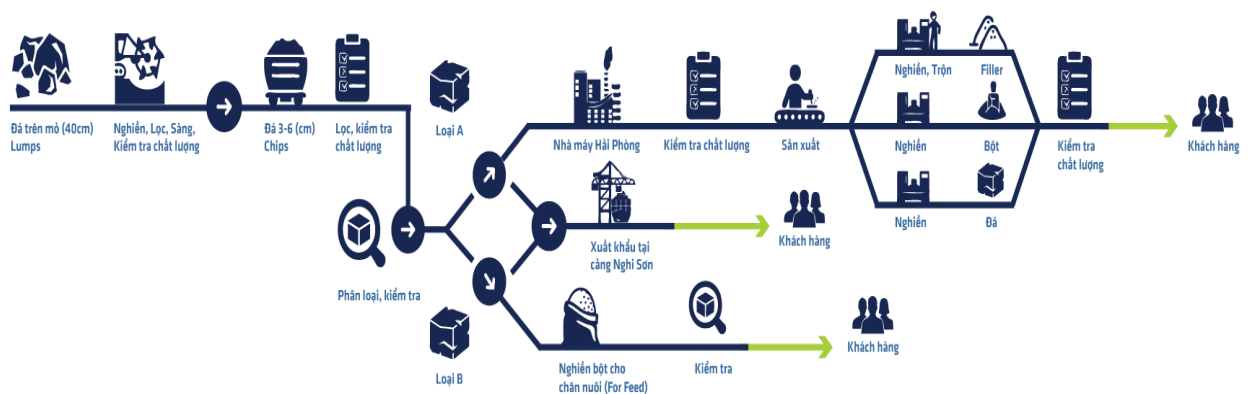
Nhà máy sản xuất Filler Masterbatch tại Hải Phòng có vị trí thuận lợi về: giao thông đường bộ (Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nằm trên đường trục của Khu công nghiệp Đình Vũ, đường cao tốc Đình Vũ - Lạch Huyện); đường thủy (sông Bạch Đằng, sông Lạch Tray); đường biển (Cảng Hải Phòng hiện tại, Cảng Đình Vũ, Cảng nước sâu Lạch Huyện và một số Cảng khác); gần các khu đô thị của thành phố hiện tại và trong tương lai đang được quy hoạch xây dựng. Đồng thời, dự án có quỹ đất phát triển công nghiệp theo quy hoạch và trong khu vực đã và đang hình thành các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. Địa hình khu đất dự án tương đối bằng phẳng. Đây là yếu tố thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện. Về kinh tế - xã hội tại khu vực dự án tương đối phát triển, đa dạng các ngành nghề, có giao thông thuận lợi, dân số đang trong độ tuổi lao động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Nhà máy.

Ngoài ra, do thực hiện tại KCN MP Đình Vũ nên Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê nhận được rất nhiều ưu đãi và tiện ích, cụ thể:

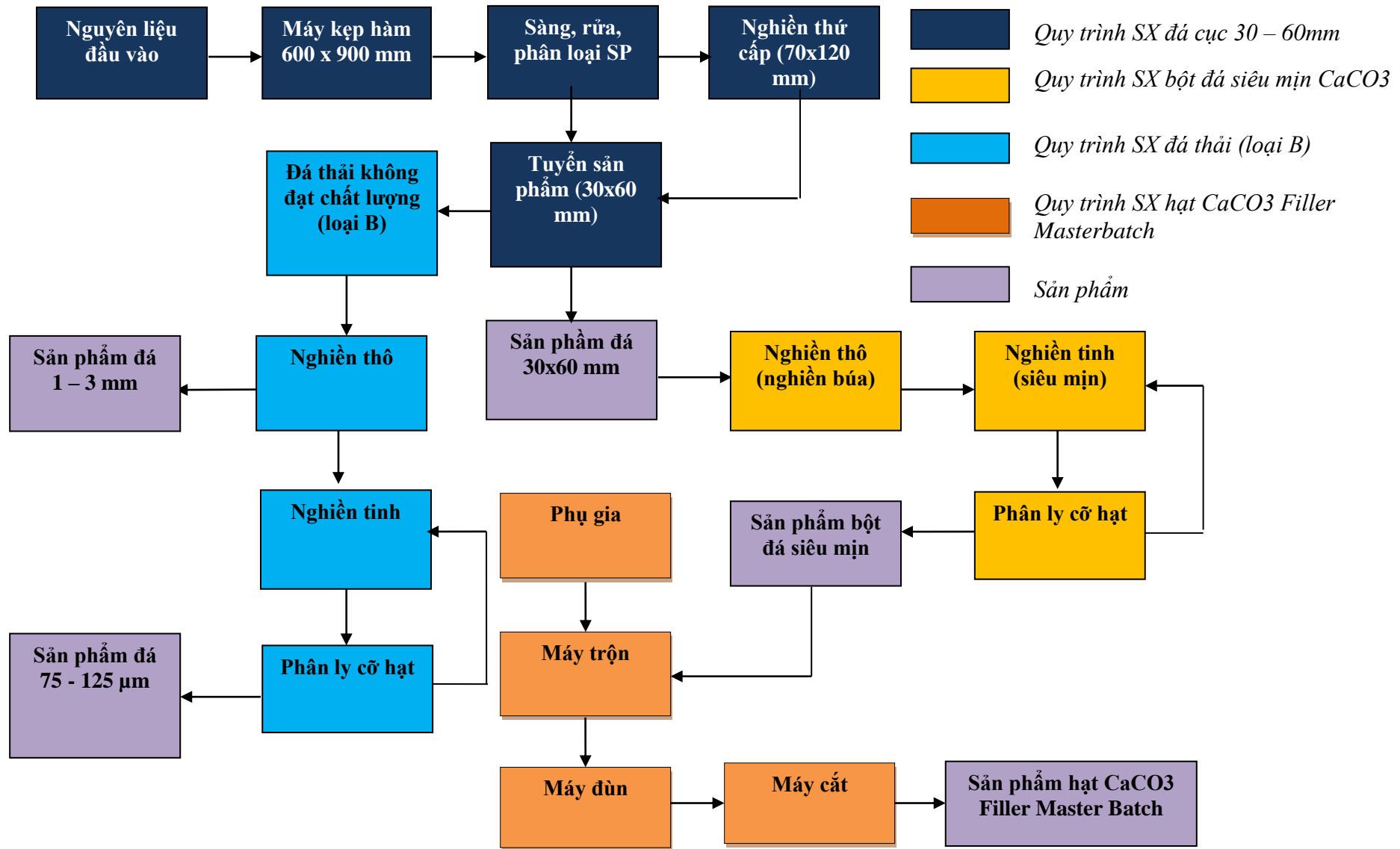
- ✓ Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Hoạt động của doanh nghiệp được áp Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (năm 2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo; Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (năm 2016);
- ✓ Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân;
- ✓ Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu.
- ✓ Trung tâm thông tin liên lạc với diện tích 1000m², cung cấp đường truyền internet tốc độ cao ADSL đáp ứng cho thuê bao cách tổng đài 3,5km cũng như các dịch vụ thuê kênh riêng biệt: 64 Kb/s, 2Mb/s,...
- ✓ Trạm biến áp được trang bị 2 máy biến áp 2500KVA +2000 KVA, nguồn điện được cung cấp từ 2 nhà máy điện khác nhau của quốc gia, điều này đảm bảo ổn định nguồn điện. Ngoài ra KCN Đình Vũ có nhà máy điện chuyên dụng diesel cung cấp điện năng thông qua hệ thống phân phối 22kV để phục vụ khách hàng.
- ✓ Nhà máy xử lý nước thải với công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn về môi trường Việt nam, nước thải có thể xả ra sông mà không cần xử lý gì thêm. Đây cũng là lợi thế rất lớn cho việc tiết kiệm chi phí sản xuất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê.
- ✓ Hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quốc tế, dọc Khu Công Nghiệp có nhiều vòi cứu hỏa, hồ chứa nước đủ cung cấp cho chữa cháy liên tục trong 2 giờ.

❖ Quy trình sản xuất

Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất tổng quát

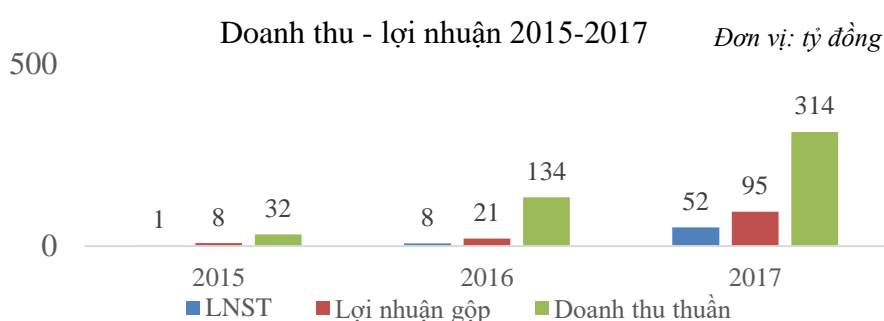


Sơ đồ 3 – Quy trình sản xuất chi tiết



❖ **Hiệu quả đầu tư**

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ dây chuyền máy móc lắp đặt của Công ty đều đã đi vào hoạt động và sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, góp vai trò quan trọng giúp kết quả kinh doanh của Nhựa Pha Lê đạt được mức tăng trưởng đột biến trong giai đoạn năm 2015 – 2017, trong đó doanh thu tăng từ 32 tỷ đồng năm 2015 lên hơn 10 lần, đạt 314 tỷ đồng năm 2017. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng từ 1 tỷ đồng năm 2015 lên 52 tỷ đồng năm 2017. Như vậy, có thể thấy quyết định đầu tư dự án sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng và nhà máy sản xuất đá CaCO₃ tại mỏ đá Thung Hưng, Nghệ An của Nhựa Pha Lê là hoàn toàn đúng đắn.



7.4. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định như Công ty Cổ Phần Hóa Chất Tp. Hồ Chí Minh, Global New Material Ltd, Orientlink Ltd., Hindusthan National Glass & Industries ltd.,

Chiến lược hoạt động Marketing của Công ty được triển khai đồng bộ từ Sản phẩm (Product), Giá cả (Price), Phân phối (Distribution) đến Xúc tiến (Promotion). Cụ thể:

➤ **Sản phẩm**

Hiện nay, Nhựa Pha Lê chủ yếu sản xuất các sản phẩm có gốc CaCO₃ như: đá vôi trắng, bột đá và hạt độn phụ gia ngành nhựa,... trong đó sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Sản phẩm đá CaCO₃ được cung ứng cho khách hàng trong nước như: Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội, Công ty TNHH MTV Thương mại Thịnh Phát và CTCP Hóa chất Tp. Hồ Chí

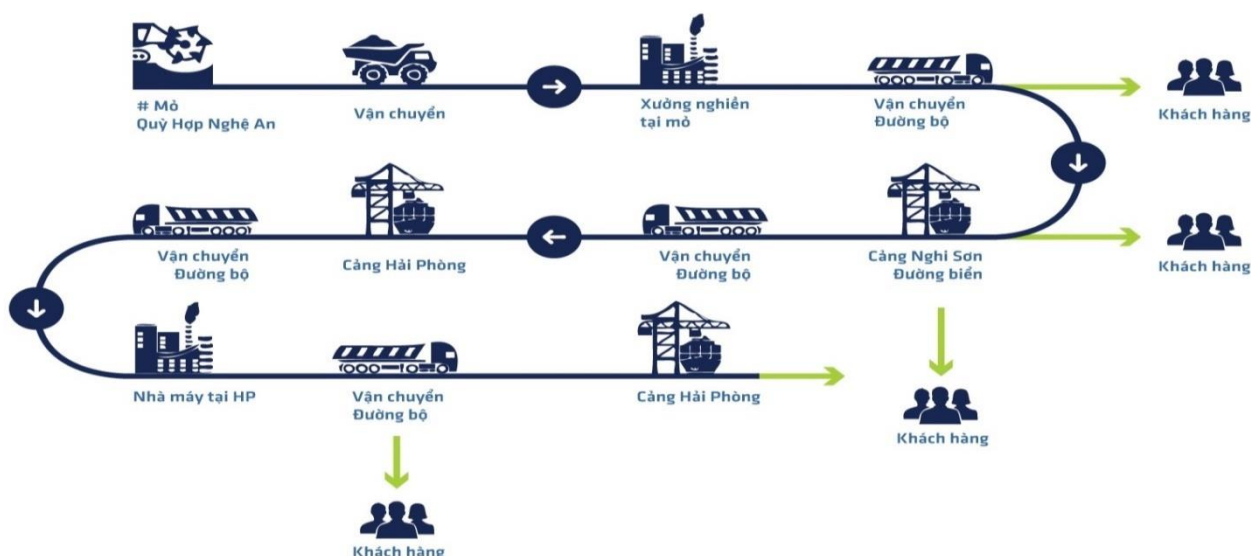
Minh. Một phần sản phẩm đá CaCO₃ và hầu hết sản phẩm hạt nhựa chủ yếu được xuất khẩu.

➤ **Giá cả**

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cơ sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất lợi nhuận phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, mức giá đối với sản phẩm hạt nhựa của Công ty luôn được coi là mức giá mang tính cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, không vì đề xuất những mức giá cạnh tranh mà các sản phẩm dịch vụ của Công ty mất đi tính chất lượng và hiệu quả.

➤ **Phân phối**



Các sản phẩm dịch vụ đang được cung ứng của Công ty hiện nay phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ và đường biển, trong đó vận chuyển đường biển đóng vai trò chủ đạo. Phương thức giao hàng đường biển của Nhựa Pha Lê thường áp dụng và FOB (FOB Nghi Sơn) đối với các sản phẩm trong nước và CIF đối với các sản phẩm xuất khẩu. Phương thức giao hàng trong vận tải đường bộ thường chỉ được áp dụng trong nội bộ các chi nhánh.

➤ **Xúc tiến bán hàng**

Với định hướng phát triển chính là nhắm vào thị trường quốc tế, Nhựa Pha Lê xác định hoạt động bán hàng của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình. Khi làm việc với Công ty, khách hàng sẽ không phải liên lạc với một địa chỉ email chung chung và một nhân viên vô danh, mà thay vào đó là một người hiểu vấn đề của mình, quan tâm đến nhu cầu và chịu trách nhiệm cho sự thành công của khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty đang được phụ trách bởi 04 nhân sự người nước ngoài và 06 nhân sự người Việt Nam. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại,...

7.5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhân hiệu Công ty:



Hiện nay Nhựa Pha Lê đang tiến hành thủ tục với Cục sở hữu Trí tuệ xin đăng ký bảo hộ logo và nhân hiệu của Công ty.

7.6. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Tên sản phẩm	Đối tác	Tổng giá trị (USD)	Thời gian hoàn thành
Filler Masterbatch	Global New Material Ltd.	3.894.313	Năm 2018
Filler Masterbatch	Hindusthan National Glass & Industries Ltd.	2.173.147	Năm 2018
Filler Masterbatch	AMERIPLAS, INC	1.100.400	Năm 2018
Filler Masterbatch	Qatar Poymers Industries	558.963	Năm 2018
Filler Masterbatch	Guft Income Trading	292.950	Năm 2018
Đá CaCO ₃	Orientlink Ltd.	219.609	Năm 2018
Đá CaCO ₃	VR Minerals	154.288	Năm 2018
Đá CaCO ₃	Lira Industrial Enterprise	123.748	Năm 2018
Đá CaCO ₃	M/S Zaeba Traders	147.841	Năm 2018

Tên sản phẩm	Đối tác	Tổng giá trị (USD)	Thời gian hoàn thành
Tổng cộng		10.529.976	

Nguồn: Nhựa Pha Lê

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

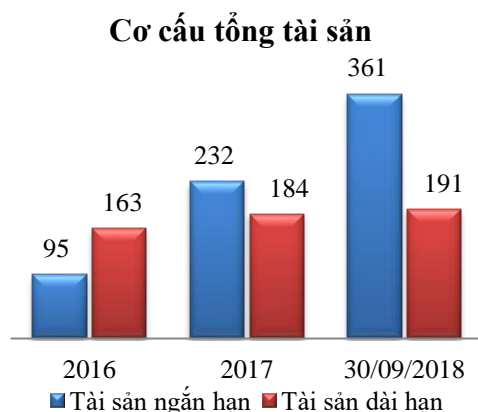
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 5 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		9 tháng /2018
		Giá trị	% thay đổi	
Tổng giá trị tài sản	257.619	415.440	61%	552.450
Vốn chủ sở hữu	108.920	203.624	87%	241.026
Doanh thu thuần	128.420	314.066	145%	352.419
Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.127	51.870	538%	40.019
Lợi nhuận khác	-88	-145	65%	-31
Lợi nhuận trước thuế	8.040	51.724	543%	39.988
Lợi nhuận sau thuế	7.588	51.724	582%	39.988
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	10.892	13.575	25%	16.068

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê



Tổng tài sản của Công ty tăng dần qua các năm, trong đó sự gia tăng của tài sản dài hạn do Công ty đầu tư dây chuyền máy móc và thiết bị mới để khai thác đá và sản xuất chất độn phụ gia ngành nhựa Master Fillerbatch. Tài sản ngắn hạn của Công ty cũng tăng trưởng mạnh trong năm 2017 từ 95 tỷ đồng lên 232 tỷ đồng trước sau đó tiếp tục tăng lên 361 tỷ đồng vào 30/09/2018. Sự tăng lên của tài sản ngắn hạn chủ yếu do hàng tồn kho tăng từ

40 tỷ đồng vào 31/12/2016 lên hơn 100 tỷ đồng vào 31/12/2017 (tăng trưởng 152%) và 171 tỷ

BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

đồng vào 30/09/2018. Tốc độ tăng của hàng tồn kho là tương đối cao nếu so sánh với trung bình các doanh nghiệp đang niêm yết trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên, thực tế hàng tồn kho tăng do Công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, với doanh thu thuần tăng từ 128 tỷ đồng năm 2016 lên 314 tỷ đồng năm 2017 (tăng 144,6%) và 352 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2018. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng tài sản của Nhựa Pha Lê tương đồng với tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty.

Về phía nguồn vốn, Tổng nguồn vốn của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nợ phải trả, cụ thể, Công ty đang huy động vốn vay từ ngân hàng để thực hiện dự án đầu tư, trong đó tập trung vay trung và dài hạn. Nợ ngắn hạn cũng tăng mạnh do Công ty vay ngắn hạn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính từ năm 2016, Tổng nợ phải trả của Nhựa Pha Lê tăng từ 148 tỷ đồng lên 211 tỷ đồng vào cuối năm 2017 và 311 tỷ đồng

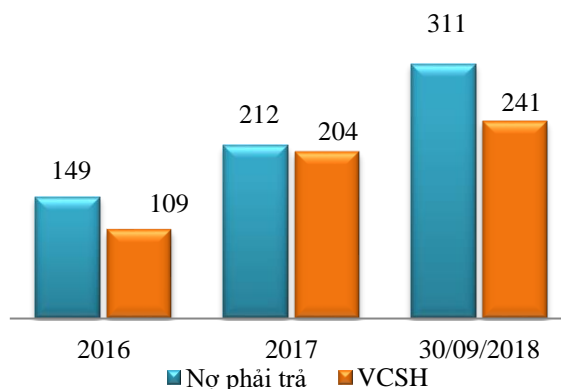
vào Quý 3/2018. Nợ phải trả tăng cao chủ yếu do Nhựa Pha Lê đang trong quá trình tăng trưởng nóng, doanh thu tăng cao nhưng nhu cầu về dòng tiền để thanh toán cho nhà cung cấp cũng tăng theo, do đó làm phát sinh nhu cầu vay ngân hàng để bù đắp vốn lưu động thiếu hụt. Dự kiến trong những năm tới, khi hoạt động kinh doanh đi vào ổn định, Công ty sẽ giảm vay ngân hàng và từ đó giảm bớt gánh nặng tài chính.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong những năm qua được chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô là đá CaCO₃ sang sản xuất sản phẩm tiếp sau là hạt nhựa Filler Masterbatch. Hạt nhựa Filler Masterbatch có giá bán cao gấp 6 lần giá sản phẩm bột đá và thậm chí cao gấp 20 lần sản phẩm đá CaCO₃ truyền thống, nhờ đó mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Các hoạt động khác mang lại doanh thu không đáng kể. Kết quả là, chỉ sau 1 năm từ cuối năm 2016 đến năm 2017, sản phẩm Filler Masterbatch giúp doanh thu Nhựa Pha Lê tăng trưởng từ 108 tỷ đồng lên 314 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thậm chí còn tăng trưởng cao hơn, từ 7,5 tỷ đồng lên hơn 51 tỷ đồng.

Bước sang năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 352 tỷ đồng, gần gấp 3 doanh thu cả năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 40 tỷ đồng, gấp 5 lần lợi nhuận cả năm 2016 và đạt 77% lợi nhuận sau thuế cả năm 2017. Kết quả này minh chứng cho định hướng phát triển đúng đắn của Nhựa Pha Lê.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm

Cơ cấu nguồn vốn



báo cáo

8.2.1. Thuận lợi

❖ **Nhân tố từ môi trường kinh doanh**

- Nền kinh tế thế giới và trong nước đang trong xu thế tăng trưởng ổn định, lãi suất ngân hàng giảm hỗ trợ quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp.
- Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm Filler Masterbatch ngày càng tăng cao.
- Bên cạnh đó, Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và Tp. Hải Phòng (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, ưu đãi thuế...) và thuận lợi từ vị trí địa lý khi nhà máy Hải Phòng đặt ở gần cảng Đình Vũ, giúp Công ty có thể dễ dàng vận chuyển hàng hóa đến khách hàng với chi phí rẻ.

❖ **Nhân tố nội tại của Công ty**

- Công ty đang dần khẳng định thương hiệu và uy tín trên thị trường. Sản phẩm Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê đang ngày càng được biết đến và xâm nhập được vào những thị trường khó tính nhất như Trung Đông, Châu Âu, ...
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, chuyên nghiệp, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ kinh doanh đã giúp cho thị trường ngày càng mở rộng, doanh thu tăng trưởng.
- Chất lượng mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hưng, Quỳnh Hợp, Nghệ An tốt, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường, qua đó hỗ trợ quá trình sản xuất, giảm tỷ lệ hàng lỗi.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã vạch ra lộ trình phát triển trung hạn của Công ty, với các định hướng và mục tiêu rõ ràng. Chiến lược phát triển nhất quán giúp Công ty tập trung nguồn lực, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

8.2.2. Khó khăn

❖ **Nguyên vật liệu phụ thuộc thị trường nhập khẩu**

Tuy đá CaCO₃ chiếm 70-80% trong tỷ trọng Filler, giá thành sản phẩm lại phụ thuộc nhiều vào giá nguyên vật liệu nhập khẩu (nhựa nguyên sinh, dầu parafin, phụ gia) do giá bán nhựa nguyên sinh có giá cao hơn bột đá từ 20-30 lần. Theo Hiệp hội nhựa Việt nam, mỗi

năm Việt Nam phải nhập khẩu 3,5 triệu tấn nguyên vật liệu cho ngành nhựa, chưa kể các chất phụ gia cho ngành nhựa, trong khi các doanh nghiệp trong nước chỉ đáp ứng được 900 nghìn tấn/năm. Công ty nhựa có thị phần lớn nhất tại Việt Nam là Nhựa OPEC, chiếm khoảng 10% thị phần thương mại hạt nhựa ở Việt Nam. Theo dự báo, thương mại hạt nhựa tại Việt Nam sẽ lên tới 5 triệu tấn nhựa nguyên liệu/năm vào năm 2020. Nhựa nguyên sinh là sản phẩm từ dầu mỏ, do đó giá bán cũng thay đổi theo những biến động của giá dầu. Trong giai đoạn giá dầu đang có xu hướng tăng từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, chi phí nguyên vật liệu của Công ty cũng gia tăng đáng kể. Chi phí tăng, trong khi giá bán hạt nhựa Filler chưa thay đổi kịp khiến cho lợi nhuận Công ty chịu ảnh hưởng.

❖ **Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt**

Tuy thị trường Filler Masterbatch được đánh giá là hứa hẹn và còn nhiều tiềm năng phát triển, mức độ cạnh tranh trong thị trường cũng gia tăng tương ứng. Nhìn chung, rào cản gia nhập thị trường sản xuất Filler Masterbatch tương đối thấp, do đó, khi nhu cầu thị trường tăng mạnh, số lượng doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cũng tăng theo. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái, trong đó nhiều doanh nghiệp đang đầu tư mở rộng quy mô sản xuất những năm qua. Việc các đối thủ cạnh tranh liên tục nâng lực sản xuất đã tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Nhựa Pha Lê, khiến công ty gặp một vài khó khăn trong việc nâng giá bán và mở rộng thị trường.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Triển vọng phát triển của ngành

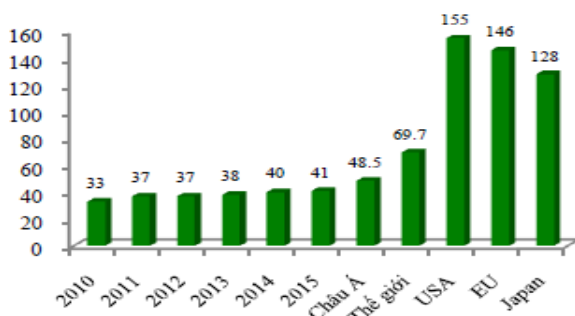
Ngành nhựa là một trong những ngành tăng trưởng ổn định của thế giới, trung bình 9% trong vòng 50 năm qua. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 tác động lớn tới nhiều ngành công nghiệp, ngành nhựa vẫn tăng trưởng 3% trong năm 2009 và 2010. Tăng trưởng của ngành Nhựa Trung Quốc và Ấn Độ đạt hơn 10% và các nước Đông Nam Á với gần 20% năm 2014. Sự phát triển liên tục và bền vững của ngành Nhựa là do nhu cầu thế giới đang trong giai đoạn tăng cao. Sản lượng nhựa tiêu thụ trên thế giới ước tính đạt 500 triệu tấn năm 2012 với tăng trưởng trung bình 5%/năm (theo BASF). Nhu cầu nhựa bình quân trung bình của thế giới năm 2013 ở mức 40 kg/năm, cao nhất là khu vực Bắc Mỹ và Tây Âu với hơn 100 kg/năm. Dù khó khăn, nhu cầu nhựa không giảm tại 2 thị trường này trong năm 2009 – 2010 và thậm chí tăng mạnh nhất ở khu vực châu Á – khoảng 12-15%. Ngoài yếu tố địa lý, nhu cầu cho sản phẩm nhựa cũng phụ thuộc vào tăng trưởng của các ngành tiêu thụ sản phẩm nhựa (end-markets) như ngành thực phẩm

(3.5%), thiết bị điện tử (2.9%), xây dựng (5% tại châu Á). Nhu cầu cho sản phẩm nhựa tăng trung bình 3.8%/năm trong ngành chế biến thực phẩm, 3.1% trong ngành thiết bị điện tử và 6-8% trong ngành xây dựng (Mỹ) là yếu tố quan trọng đẩy tăng nhu cầu nhựa thế giới.

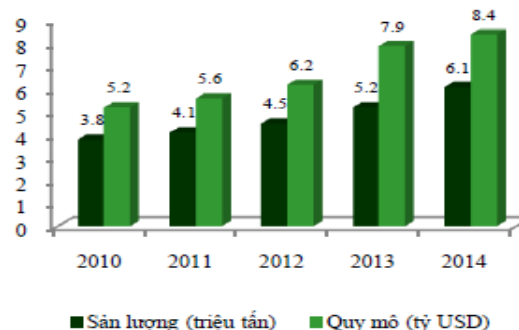
Đối với riêng ngành sản xuất hạt nhựa, năm 2013, nhu cầu tiêu thụ hạt nhựa trên thế giới đạt 300 triệu tấn, tăng 3.8% so với năm 2012. Trong đó, khu vực châu Á chiếm 42% tổng sản lượng tiêu thụ, châu Âu với 20% và Bắc Mỹ 21%. Nhu cầu cho hạt nhựa PE và PP là lớn nhất (29% và 19%). Nhựa PET (8%) là nhóm đang tăng trưởng tốt nhất với 7%/năm. Nguồn cung hạt nhựa PET đã tăng 25% từ năm 2006 nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu của phân nhóm này, trong đó Trung Quốc và Trung Đông đang dần soán ngôi Mỹ và Tây Âu trong vị trí dẫn đầu về cung và cầu hạt nhựa.

Tại Việt Nam, công nghiệp Nhựa là một ngành còn khá non trẻ so với các ngành công nghiệp lâu đời khác như cơ khí, điện tử, hóa chất, dệt may...nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Giai đoạn 2010-2015, ngành nhựa là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất nước với mức tăng trưởng hàng năm từ 16-18%/năm (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), đặc biệt có những mặt hàng có tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%. Điều này xuất phát từ thị trường tiêu thụ rộng lớn, các sản phẩm nhựa được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực như thực phẩm, xây dựng, viễn thông,... Dẫn chứng có thể thấy nếu trong năm 2010, số lượng nhựa sử dụng tính trên đầu người chỉ đạt 33 kg/người/năm thì năm 2015, con số này đã tăng lên 41 kg/người/năm. Mức tăng này cho thấy nhu cầu sử dụng nhựa trong nước ngày một gia tăng. Tuy nhiên, con số này còn khá thấp so với khu vực và thế giới khi mà nhu cầu tiêu thụ nhựa của khu vực châu Á đạt 48,5 kg/người/năm và trung bình toàn thế giới là 69,7 kg/người/năm.

Nhu cầu tiêu thụ của ngành Nhựa Việt Nam và thế giới



Sản lượng và quy mô sản xuất ngành nhựa Việt Nam



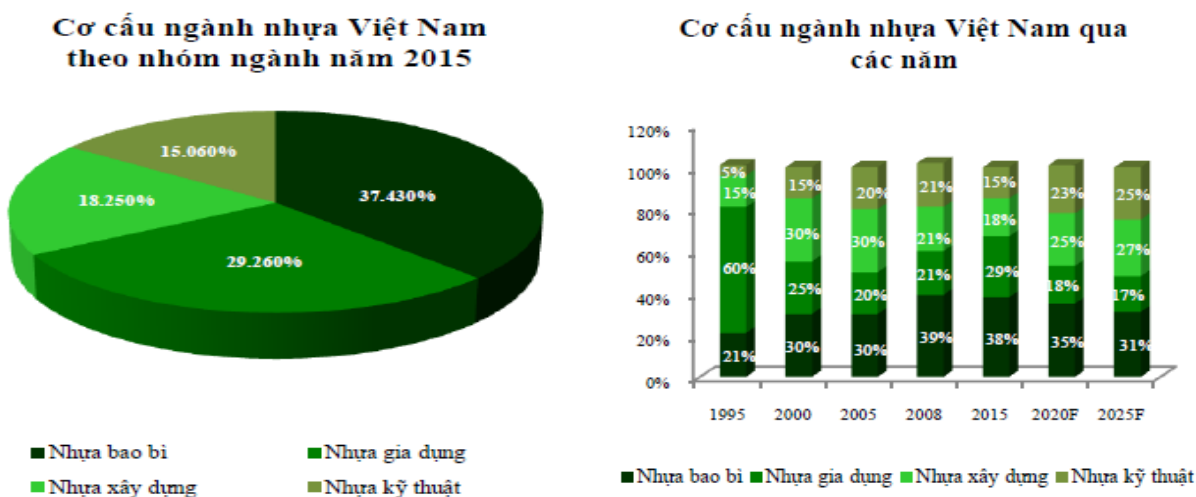
Chú thích: số liệu của Châu Á, Thế giới, USA, EU và Japan là của năm 2015. Nguồn VPA

Với tốc độ phát triển nhanh, ngành nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được phát huy

BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm bao bì nhựa, sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

Cơ cấu ngành nhựa vẫn duy trì tỷ trọng lớn nhất thuộc về nhựa bao bì. Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), cấu trúc ngành nhựa được chia thành bốn mảng chính: nhựa bao bì, nhựa gia dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Trong đó, nhựa bao bì vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (37,43%) và đây là phân mảng duy trì tỷ trọng lớn nhất qua các năm. Cơ cấu này có sự thay đổi nhỏ so với giai đoạn trước khi tỷ trọng nhựa xây dựng chiếm tỷ lệ khá cao 30% trong những năm 2000-2005. Tuy nhiên, thị trường bất động sản chững lại vào năm 2008 đã làm giảm cơ cấu của nhựa xây dựng xuống còn 21% và tỷ lệ hiện nay là 18,25%. Theo Quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2020, ngành nhựa sẽ chuyển dịch cơ cấu nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

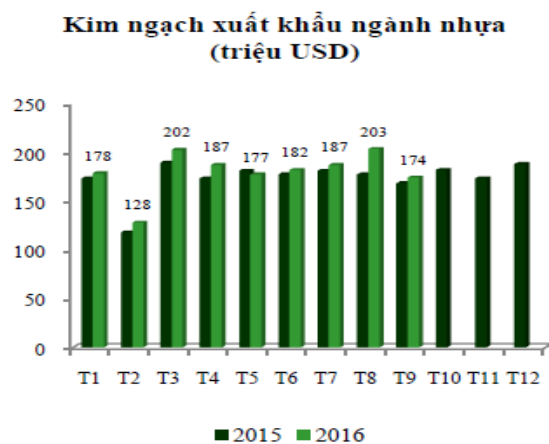
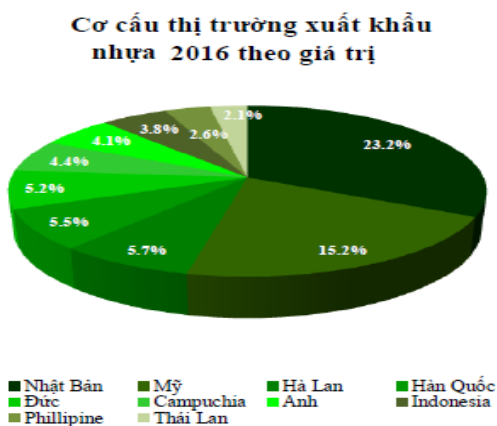


Từ năm 2005 đến nay, kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa luôn duy trì tốc độ tăng trưởng đều qua các năm, đạt tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm CAGR 20%. Sản phẩm của ngành nhựa hiện đã được xuất khẩu sang hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Nhật Bản, Trung Quốc, Trung Đông, châu Phi, EU, Mỹ.... Trong 9 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu sản phẩm nhựa đạt 1.618 triệu USD, tăng trưởng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Nhật Bản vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch nhập khẩu đạt 375,7 triệu USD, chiếm 23,2%. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ngành công nghiệp này với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 246,4 triệu USD, chiếm 15,2%. Trong khi đó, Hà Lan là thị trường dẫn đầu thị trường EU về nhập khẩu sản phẩm nhựa của nước ta trong 9 tháng đầu năm. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm nhựa của thị trường này đạt 92,7 triệu USD, chiếm 5,73% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường EU cũng vẫn ở mức cao và các doanh nghiệp cũng có khả năng thâm nhập tốt, nhất là nhu cầu về ống nhựa. Ngoài ra, tại các thị trường

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

châu Âu, sản phẩm của Việt Nam không bị áp thuế chống bán phá giá từ 8% - 30% như các nước châu Á khác như Trung Quốc. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nhựa Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào thị trường này.



9.2. Vị thế của công ty trong ngành



- Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động và ổn định. Chất lượng bột đá nguyên liệu đầu vào tốt là yếu tố tiên quyết về mặt chất lượng sản phẩm đầu ra trong ngành bột đá CaCO₃. Qua kiểm tra, mỏ đá của công ty tại Thung Hung – Nghệ An có chất lượng cao về độ trắng sáng và tính hóa lý của nguồn nguyên liệu sản xuất bột đá và đá ốp lát. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhựa Pha Lê đang là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam kiểm soát vận hành từ mỏ khai thác đá CaCO₃ cho đến sản phẩm hoàn thiện – Filler Masterbatch. Thêm vào đó, quá trình khảo sát địa chất cho thấy trữ lượng mỏ Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An không những bao gồm đá hoa làm bột siêu mịn mà còn bao gồm đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nằm ở các lớp sâu bên trong và được đánh giá là những sản phẩm

có giá trị cao. Như vậy, dự án khai thác đá hoa làm bột siêu mịn của Nhựa Pha Lê hiện nay là một dự án đem lại mức lợi nhuận cao, đồng thời cũng là tiền đề để thực hiện các dự án tiềm năng khác. Đồng thời, việc tận dụng được hết lớp đá hoa làm bột siêu mịn để hướng tới việc khai thác đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho thấy tầm nhìn chiến lược dài hạn của ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê.

- Các cơ sở sản xuất của Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt dưới sự giám sát của Giám đốc kỹ thuật. Việc khai thác, sản xuất theo quy trình khép kín chặt chẽ, tùy theo yêu cầu, khách hàng có thể nhận được các sản phẩm mẫu trước khi đặt sản phẩm chính với số lượng lớn.
- Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa trên 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 4.500 tấn/ tháng. Công ty cũng đang tiến hành nhập 02 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công nghệ tiên tiến trên thế giới với công suất thiết kế là 2.000 tấn/ tháng/ dây chuyền về để nâng cao năng lực sản xuất trong năm 2017. Dự kiến sau khi hoàn thành, tổng công suất thiết kế của nhà máy sẽ đạt 9.000 tấn/ tháng. Năng lực sản xuất lớn không chỉ giúp làm giảm giá thành sản xuất nhờ lợi thế dựa vào quy mô, mà còn hỗ trợ Nhựa Pha Lê trong việc chiếm lĩnh được thị phần, gia tăng vị thế trên thị trường.
- Một trong những lợi thế cạnh tranh lớn nhất của Nhựa Pha Lê chính là vị trí của mình. Hệ thống logistic gần rất nhiều cảng, thuận lợi cho việc lưu chuyển hàng hóa từ nhà máy tới cảng và từ cảng tới khách hàng, đảm bảo thời gian và tiến độ giao hàng, giúp giảm tối đa chi phí và thời gian. Các công ty khác trong cùng lĩnh vực sản xuất thông thường sẽ bị ảnh hưởng bởi các quy định liên quan đến kiểm soát tải trọng xe và khoảng cách địa lý, điều đó sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.
- Bên cạnh những ưu thế về nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất, Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng của Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014, cụ thể:
 - + Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Thuế TNDN giảm còn 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế

(2016) cho dự án tại Hải Phòng.

- + Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, máy móc nhập khẩu của nhà máy theo quy định tại điều 16 Luật thuế xuất khẩu.

9.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngày 17/6/2011, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 2992/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao.

Cụ thể, năm 2020 phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp ngành nhựa đạt 181.577 tỷ đồng và tới năm 2025 là 390.000 tỷ đồng, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%, và tăng lên 6% vào năm 2025. Đến năm 2020, sản lượng các sản phẩm ngành nhựa phấn đấu đạt 12,5 triệu tấn. Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu tới 2020 là 4,3 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng khoảng 15%.

Theo Bộ Công Thương, quy hoạch ngành nhựa còn nhằm chuyển dịch cơ cấu nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật. Bên cạnh đó, một trong những định hướng phát triển của ngành Nhựa Việt Nam là khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa. Theo Bộ Công Thương, các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư). Đồng thời, cần khuyến khích sử dụng và sản xuất nhựa tái sinh, quy định những sản phẩm nào đã qua sử dụng phải được tái sinh, cập nhật những thành tựu của thế giới về các loại vật liệu mới có khả năng tự phân hủy, các loại nhựa sinh học, nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường như các loại bao bì trên cơ sở tinh bột hoạt màng từ polyninylalcol.

Để đạt được mục tiêu đề ra trong Quy hoạch, Bộ Công Thương đề xuất một số giải pháp chính sách như sau:

Về tài chính, thuế:

- Các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành Nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành Cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư).
- Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cụm công nghiệp chuyên phân loại, tái chế phế liệu nhựa như hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải; hỗ trợ việc ứng dụng khoa học công nghệ sạch, ít tiêu tốn nhiên liệu và thân thiện với môi trường.
- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, khuyến khích người dân tự phân loại rác thải đầu nguồn đồng thời cần có biện pháp hành chính bắt buộc người dân phải tự phân loại rác nhằm giảm bớt lượng rác thải ra môi trường tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tái chế phế liệu nhựa.
- Xây dựng chính sách khuyến khích thu gom phế liệu nhựa trong nước để hình thành hệ thống thu gom lớn mang tính hiện đại góp phần bảo vệ môi trường và cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp xử lý phế thải nhựa.
- Có chính sách khuyến khích về tài chính, thuế đối với các công tác đào tạo ngắn hạn về ngành nhựa cho các Trung tâm đào tạo.

Về nguồn vốn:

- Kinh phí đào tạo cán bộ kỹ thuật cho ngành cần được Nhà nước hỗ trợ một phần thông qua chương trình hỗ trợ hợp tác với nước ngoài.
- Khuyến khích các ngân hàng thương mại bảo lãnh ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân vay để đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngành Nhựa.

Nắm bắt được xu thế phát triển của thị trường, nắm bắt chính sách khuyến khích của Nhà nước và kết hợp nguồn lực thực tế của Công ty, năm 2014 Nhựa Pha Lê đã quyết định đầu tư xây dựng dự án Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch Hải Phòng. Công suất của nhà máy có thể đáp ứng được nhu cầu về Filler Masterbatch trên thị trường nội địa, bên cạnh việc đóng góp phần lớn cho hoạt động xuất khẩu Filler Masterbatch ra thị trường quốc tế của Công ty. Với việc xây dựng Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch Hải Phòng, Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước như miễn Thuế TNDN, giảm 50% thuế TNCN, miễn thuế xuất nhập khẩu, ...

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, với xu thế phát triển của đất nước cũng như của toàn bộ nền kinh tế thế giới, tận dụng

được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

10. Chính sách đối với người lao động

Bảng 6 - Cơ cấu lao động của công ty

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
1	Trên đại học	5	1%
2	Trình độ đại học và tương đương	35	10%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	50	14%
4	Trình độ khác	260	75%
	Tổng cộng	350	100,00

Nguồn: Nhựa Pha Lê

➤ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ lễ 02/09 01 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ,

thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định pháp luật.

➤ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cân đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

➤ **Chính sách lương và thưởng**

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

11. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhựa Pha Lê cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Giai đoạn 2014 - 2016, Công ty đang cần tiền để đầu tư xây dựng Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch Hải Phòng, do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định không trả cổ tức. Bước sang năm 2017, trước tình hình kinh doanh có lãi, Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2016 ở mức 7% bằng tiền mặt. Năm 2018, ĐHĐCĐ của Nhựa Pha Lê đã quyết định mức chia cổ tức là 10% bằng cổ phiếu.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Nguồn vốn của Công ty tại các thời điểm như sau:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Vốn điều lệ	100.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	108.920.425.426	203.623.908.648	241.025.959.323
Tổng nguồn vốn kinh doanh	257.619.154.037	415.440.164.636	552.449.842.822

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định của Công ty hiện tại như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 – 22 năm
- Máy móc thiết bị : 5 – 15 năm
- Phương tiện vận tải : 5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất : 42,5 năm

c) Mức lương bình quân

Bảng 7 – Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Số lao động bình quân (người)	350	350
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.000.000	7.000.000

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 8 – Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng			245.471.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	289.344.326		
Thuế tài nguyên	1.030.324.553	358.151.553	1.119.486.500
Các loại thuế, phí khác	336.050.890	128.757.430	198.775.940
Tổng cộng	1.655.719.769	486.908.983	1.563.733.477

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

f) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Giai đoạn 2014 – 2016, Công ty đang cần tiền để đầu tư xây dựng Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng, do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định không trích lập các quỹ trong giai đoạn này. Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2017, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã quyết định trích lập các quỹ như sau:

KHOẢN MỤC	Giá trị (đồng)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST 2017)	2.586.216.972
Quỹ dự phòng tài chính (5% LNST 2017)	2.586.216.972
Tổng Cộng	5.172.433.944

g) Tổng dư nợ vay

Bảng 9 – Tổng dư nợ vay của Công ty

KHOẢN MỤC	Đơn vị: đồng		
	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	72.743.723.750	143.357.673.245	210.296.616.679
- Vay ngân hàng	72.743.723.750	143.357.673.245	210.296.616.679
- Vay tổ chức, cá nhân khác	-	-	-
Vay nợ dài hạn, trong đó:	59.888.871.021	48.780.033.570	53.998.339.185
- Vay ngân hàng	59.888.871.021	48.780.033.570	53.998.339.185
- Vay tổ chức, cá nhân khác	-	-	-
Tổng Cộng	132.632.594.771	192.137.706.815	264.294.955.864

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

Vay ngắn hạn chủ yếu là khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô, với tổng hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, vay Ngân hàng BIDV – chi nhánh Đống Đa – với hạn mức tín dụng là 95 tỷ đồng và vay Ngân hàng VP Bank với hạn mức tín dụng là 110 tỷ đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được tính cụ thể tại mỗi lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay này là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tính đến ngày 30/09/2018, tổng dư nợ vay ngắn hạn của Công ty là hơn 210 tỷ đồng với lãi suất vay dao động từ 5%/năm đến 9,5%/năm.

Vay dài hạn của Công ty cũng chủ yếu đến từ khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô và Ngân hàng BIDV – chi nhánh Đống Đa. Mục đích của các khoản vay dài hạn chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị của dự án sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Hải Phòng với tổng mức đầu tư hơn 148 tỷ đồng. Thời hạn vay chủ yếu là từ 3 – 5 năm, lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ từ 3-6 tháng một lần và đang dao động ở mức từ 9%/ năm đến 11%/năm.

h) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 10 -Số dư các khoản phải thu

KHOẢN MỤC	Đơn vị: VND		
	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

KHOẢN MỤC	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Phải thu ngắn hạn	48.909.359.078	87.928.219.521	152.165.925.854
Phải thu khách hàng	30.734.596.536	65.421.597.503	92.201.865.441
Trả trước cho người bán	6.543.143.378	21.434.923.070	37.349.379.076
Phải thu khác	11.631.619.164	1.071.698.948	22.614.681.337
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	48.909.359.078	87.928.219.521	152.165.925.854

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

Phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu là của một số khách hàng chính như Global New Material Limited, Rakha Al-khaleej International LLC, Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội, Orientlink limited, ... Trong khi Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội là đối tác phân phối sản phẩm tại thị trường trong nước, Global New Material Limited và Rakha Al-khaleej International LLC là những khách hàng lớn nhập khẩu sản phẩm Filler Masterbatch của Công ty.

Bảng 11 – Số dư các khoản phải trả

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tổng nợ ngắn hạn	88.809.857.590	163.036.222.418	257.425.544.314
Phải trả người bán	13.600.118.514	143.357.673.245	38.890.801.758
Người mua trả tiền trước	-	16.600.947.116	355.456.593
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.655.719.769	1.646.016.619	1.563.733.477
Phải trả người lao động	-	486.908.983	1.040.183.770
Chi phí phải trả	759.122.074		1.138.662.587
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	51.173.483	98.528.169	1.553.872.523
Quỹ khen thưởng phúc lợi			2.586.216.927
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	72.743.723.750	143.357.673.245	210.296.616.679
Tổng nợ dài hạn	65.018.221.752	48.780.033.570	53.998.339.185
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	65.018.221.752	48.780.033.570	53.998.339.185
Tổng cộng	148.698.728.611	211.816.255.988	311.423.883.499

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

Số dư các khoản phải trả của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ các khoản vay ngân hàng. Mục đích sử dụng chính của nguồn vốn vay chủ yếu để phục vụ mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư dự án tại Hải Phòng.

i) Tài sản khác

Bảng 12– Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tài sản ngắn hạn khác	5.649.586.092	9.269.744.312	4.530.369.465
Chi phí trả trước ngắn hạn	452.514.948	815.182.719	1.032.655.955
Thuế GTGT được khấu trừ	5.197.071.144	8.454.561.593	3.497.713.510
Tài sản dài hạn khác	36.095.401.524	45.555.223.659	42.990.963.090

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

KHOẢN MỤC	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Chi phí trả trước dài hạn	12.095.401.524	17.055.223.659	14.490.963.090
Tài sản dài hạn khác	24.000.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000
Tổng cộng	41.744.987.616	54.824.967.971	47.521.332.555

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý 3 /2018 của Nhựa Pha Lê

Tài sản ngắn hạn khác của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ các khoản thuế GTGT được khấu trừ. Đây là những khoản thuế đầu vào phát sinh khi Công ty mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

Chi phí trả trước dài hạn của Nhựa Pha Lê bao gồm chi phí kết chuyển đầu tư, chi phí thuế GTGT phát sinh khi đầu tư nhà máy Hải Phòng được kết chuyển TSCĐ và khoản chi phí liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản tại Nghệ An với giá trị hơn 5 tỷ đồng. Tài sản dài hạn khác đến từ việc Công ty thực hiện ủy thác đầu tư với khoản tiền 28,5 tỷ đồng cho Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT - theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.02/2015/HTKD PHALE-MTP ký vào tháng 02/2015 với mục đích góp vốn thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng" (dự án Rivera Park) phát triển bởi CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang. Tính đến thời điểm 30/09/2018, tổng giá trị phần vốn góp của Nhựa Pha Lê và ông Mai Thanh Phương trong dự án là 30 tỷ đồng và đã được các bên góp đầy đủ. Lợi nhuận từ ủy thác đầu tư sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp của các bên, ngoài ra, nếu lợi nhuận của dự án không đạt mức tối thiểu như trong thỏa thuận, ông Mai Thanh Phương cam kết sẽ trả cho Nhựa Pha Lê số tiền bằng với số vốn thực góp của Công ty nhân (x) với lãi suất 9%/năm tính từ thời điểm Công ty góp vốn. Việc hợp tác đầu tư đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15.02/BBQT-PL ngày 10/02/2015 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0105/2017/BB-HĐQT ngày 05/01/2017.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13 - Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng /2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,07	1,42	1,40
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,62	0,80	0,74

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng /2018
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)				
Nợ/Tổng tài sản	%	57,72	50,99	56,37
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,52	104,02	129,21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	lần	4,31	3,11	1,99
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,50	0,76	0,64
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,91	16,47	11,35
Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	6,97	25,40	16,59
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,95	12,45	7,24
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	6,33	16,52	11,36

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý 3/2018

Về khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Đây là một chỉ số rất quan trọng đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như Nhựa Pha Lê. Hệ số khả năng thanh toán của Công ty nhìn chung tăng dần qua các năm, trong đó hệ số thanh toán hiện thời tăng từ 1,07 lần năm 2016 lên 1,4 vào cuối Quý 3/2018, qua đó cho thấy Công ty không gặp khó khăn về thanh khoản. Tuy nhiên, các hệ số thanh toán ở mức cao cho thấy Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng vốn từ các khoản phải thu. Đồng thời, Công ty đang dùng vốn dài hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, điều này làm giảm khả năng sinh lời trong khi áp lực chi phí huy động vốn cao.

Về cơ cấu vốn: là doanh nghiệp có lịch sử kinh doanh lâu đời, cơ cấu vốn của Nhựa Pha Lê được duy trì khá ổn định. Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản duy trì ở mức từ 50% - 60%. Nhìn chung, tỷ lệ nợ phải trả của Công ty có xu hướng giảm dần trong những năm qua, do kết quả kinh doanh giai đoạn 2016 - 2017 ấn tượng, lợi nhuận để lại lớn giúp Công ty có nguồn vốn phát triển, không chịu nhiều áp lực huy động vốn vay. Bên đó, trong năm 2017, Nhựa Pha Lê cũng đã huy động thêm vốn góp từ cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng nhằm ổn định tỷ lệ nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu và giảm thiểu rủi ro mất cân đối tài chính.

Về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho của Nhựa Pha Lê tương đối ổn định và phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty. Hệ số hàng tồn kho năm 2016 và 2017 đạt lần lượt là

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

4,31 3,11 lần cho thấy thời gian lưu kho bình quân của sản phẩm Công ty là khoảng từ 3 đến 4 tháng. Với tính chất sản phẩm hạt nhựa không bị thấm nước, khó bị ăn mòn và oxi hóa trong thời gian ngắn, thời gian lưu kho này không làm giảm chất lượng của sản phẩm đầu ra.

Về khả năng sinh lời: Nhờ việc đầu tư dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch, các hệ số sinh lời của Công ty cải thiện dần qua các năm. Cụ thể: chỉ trong giai đoạn 2016-2017 hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 5,91%, lên 16,47%; Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng từ 6,97% lên 25,40%; Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ 2,95% lên 12,45% và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 6,33% lên 16,52%. Bước sang năm 2018, sản phẩm Filler Masterbatch giúp cho kết quả kinh doanh của Nhựa Pha Lê được cải thiện đáng kể. Tính riêng 9 tháng đầu năm 2018, toàn bộ các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều cao gấp đôi kết quả cả năm 2016.

13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
2	Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
3	Vũ Đức Tiên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Đặng Tiến Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Mai Thanh Phương– Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Mai Thanh Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/07/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: 17 ngõ 117 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

7. CMND số: 030071000108 Ngày cấp: 31/03/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư ngành Địa chất trường Đại học Mỏ- Địa chất
- Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh thương mại trường Đại học Kinh tế quốc dân
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (Long Giang Land)
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 - 1999	Công ty Seaprodex Quảng Ninh	Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
2000 - 2004	Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch	Giám đốc
2005 - 2007	Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
2007 - 03/2014	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2012 - 2013	CTCP Khoáng sản & Xây dựng 30/4 – Cao Bằng	Giám đốc Điều hành Mỏ
04/2017 - nay	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Thành viên HĐQT
02/2014 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 3.900.000 cổ phần, tương ứng 26,00% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Mai Lâm Vũ	Con trai	500.000	3,33%

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

b. Nguyễn Hồ Hưng - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Hồ Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/08/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, cụm 3, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội
- CMND số: 00107000022 Ngày cấp: 25/03/2013 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng, Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán An Phát.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2013	Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Á	Tổng giám đốc
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang	Thành viên HĐQT
2009 - 2011	Công ty TNHH CKC	Chủ tịch thành viên
09/2012 - nay	Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng	Chủ tịch HĐQT
05/2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	Chủ tịch HĐQT
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT độc lập

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

c. Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Vũ Đức Tiến
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 02/09/1973
4. Nơi sinh: Thị xã Lào Cai
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: 2114-B3, Khu B, Mandarin Garden, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
7. CMND số: 010073000055 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/03/2017.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Ngân hàng – Học viện Ngân hàng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
 - Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
 - Thành viên HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995-1998	Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương	Phó Trưởng phòng Tín dụng
1998-2000	CTCP XNK Than TKV (COALIMEX)	Phó Trưởng phòng XNK 5
2000-2008	CTCP Du lịch Thương mại Thanh Nhân	Giám đốc
2008 – 11/2014	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Chánh văn phòng HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
11/2014 - nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
12/2012 - nay	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên HĐQT
6/2014 - nay	CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thành viên HĐQT
4/2015 - nay	CTCP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu	Thành viên HĐQT
6/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội: 1.369.000 cổ phần, tương ứng 9,13% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

d. Đặng Tiến Thành - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Đặng Tiến Thành
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/11/1978
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 29, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội
7. CMND số: 024078000138 Ngày cấp: 02/02/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải ngành Kỹ thuật khai thác kinh tế vận tải trường Đại học Giao thông vận tải
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Timescom Toàn cầu, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Timescom Khiết Phong
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2002 – 08/2008	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafacos	Chuyên viên phụ trách
09/2008 - 06/2014	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafacos	Giám đốc
07/2014 - nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Timescom Toàn cầu	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
07/2014 - nay	Công ty CP Timescom Khiết Phong	Chủ tịch HĐQT
05/2016 - nay	CTCP Sản xuất và Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Sở hữu cá nhân: 1.000.000 cổ phần, tương ứng 6,67% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

e. Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Lê Thạc Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/10/1971
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: Số 240 phố Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
7. CMND số: 040071000162 Ngày cấp: 14/10/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư mỏ - Trường ĐH Mỏ địa chất
- Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 - 12/1996	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Kỹ sư
Từ 01/1997 - 11/1997	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kế hoạch
Từ 12/1997 - 07/1999	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Phó giám đốc
Từ 08/1999 - 07/2001	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- thuộc công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Giám đốc

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Từ 08/2001 - 03/2003	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 04/2003 - 02/2005	Tổng hội đồng địa chất	Phó Giám đốc Trung tâm đá thiên nhiên
Từ 03/2005 – 01/2008	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Phó Giám đốc
Từ 01/2005 - nay	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
Từ 04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đinh Đức Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát
3	Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Đinh Đức Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Đinh Đức Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 14-01-1972
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: 140 tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà nội
7. CMND/ Hộ chiếu số: 001072014182 cấp ngày 28/08/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

và DLQG về dân cư

8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng mỏ (Đại học Mỏ Địa chất – Hà nội), Cử nhân tài chính – ngân hàng (Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội), Cử nhân ngoại ngữ - Chuyên ngành kinh tế đối ngoại (Đại học ngoại ngữ - Đại học ngoại thương Hà nội)
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1996	Viện khoa học Vật liệu – Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia	Cán bộ
1996-2018	Công ty Đầu tư và phát triển công nghệ Mefrimex	Phó tổng giám đốc
2005-2018	Công ty CP đầu tư và phát triển khu đô thị Bắc Thăng Long	Phó Tổng giám đốc
2009-2012	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Thành viên ban kiểm soát
4/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng ban kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

b. Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Vũ Ngọc Thúy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 11/11/1991
4. Nơi sinh: Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: 19 -12A – T4 Times City, Minh Khai, Hà Nội

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

7. CMND/ Hộ chiếu số: B5370447. Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Ngày cấp: 01/06/2011
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2013 - nay	Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội	Kiểm toán viên
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

c. Mai Thị Thanh Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Mai Thị Thanh Hoa
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 31 -05 -1981
4. Nơi sinh: Hải Phòng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: 34 Cầu Cáp – P.Lam Sơn – Quận Lê Chân – Hải Phòng
7. CMND/ Hộ chiếu số: 031181005380 Ngày cấp: 19/5/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Thương mại- Ngoại thương
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2006	Công ty Liên doanh Quốc Tế Unilever Việt Nam	Nhân viên quản lý sản phẩm công ty tại siêu thị
2006 - 2008	Công ty TNHH TM & DV Long Anh	Quản lý thị trường, Phân phối sản phẩm
2008 – 2017	Công ty TNHH TM & DV Âu Cơ	Quản lý thị trường, phân phối sản phẩm
04/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
3	Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Thị Bội Giao	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a. Mai Thanh Phương – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem trong phần thông tin liên quan đến thành viên HĐQT

b. Trần Hải Yến–Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Trần Hải Yến

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 04/10/1980
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Hộ khẩu thường trú: P415-H3, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
7. CMND số: 001180013236 Ngày cấp: 16/08/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2006 – 11/2009	Văn phòng đại diện Công ty Geotech International	Thư ký
12/2009 – 03/2013	Công ty TNHH Tat hong VietNam – TAT HONG Holding group	Trợ lý Giám đốc điều hành
04/2013 – 09/2015	Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm TP HCNS
09/2015- 10/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	Trợ lý Tổng giám đốc
10/2016 – 05/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	TP. Tiếp thị & Truyền thông
06/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng giám đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 101.000 cổ phần, tương ứng 0,67% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

c. Cao Văn Thái - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Cao Văn Thái**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/08/1981
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- CMND số: 036081000399 Ngày cấp: 01/06/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Trung - Đại học Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2010	Công ty thép Vạn Lợi	Phiên dịch tiếng Trung
2011-2014	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Phiên dịch tiếng Trung, nhân viên mua hàng nội địa và quốc tế
2015	Công ty Xuất nhập khẩu Hùng Ký	Làm phiên dịch
01/2016 - 03/2018	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Giám đốc nhà máy
04/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng Giám Đốc

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,00066% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

d. Trịnh Thị Bội Giao – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trịnh Thị Bội Giao
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/03/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Số 38A tổ 45D, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 036176003564 Ngày cấp: 11/04/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 - 2012	Công ty CP Picensa Việt Nam	Phó phòng kế toán
2012- 04/2017	Công ty CP G&P Mama sữa non	Trưởng phòng kế toán
04/2017 - 09/2017	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng Ban kiểm soát
09/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Kế toán trưởng

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

14. Tài sản

14.1. Tài sản cố định

Bảng 14 - Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2018

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định vô hình	15.036.788.688	14.034.336.112	93,3%
	Quyền sử dụng đất	15.036.788.688	14.034.336.112	93,3%
II	Tài sản cố định hữu hình	144.611.556.010	91.865.568.845	76,4%
	Nhà cửa, vật kiến trúc	48.220.286.790	43.002.580.298	89,2%
	Máy móc thiết bị	63.260.197.896	43.530.885.555	68,8%
	Phương tiện vận tải	8.292.376.477	4.976.954.424	60,0%
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	193.772.727	133.757.005	69,0%
	TSCĐ khác	257.716.000	221.391.563	85,9%
	Cộng	135.261.138.578	105.899.904.957	78,3%

Nguồn: BCTC quý 3/2018 của Nhựa Pha Lê

14.2. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 15 - Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất	Ghi chú
1	Lô đất CN 4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	20.000 m ²	Đến 30/06/2057	Xây dựng nhà máy hạt nhựa	Đất thuê trả tiền một lần
2	Xã Châu Tiên, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	52.400 m ²	Đến 10/08/2037	Khai thác mỏ đá Thung Hung	Đất thuê trả tiền hàng năm
	Tổng cộng	72.400			

Nguồn: Nhựa Pha Lê

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 16 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018-2019

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 ^(*)	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2017	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2018
Vốn điều lệ	315.000	110%	315.000	110%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	420.000	33,7%	741.000	76%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	61.000	17,6%	69.000	13%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14,5%	-	9,31%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	19,36%	-	21,9%	-
Cổ tức.	20%	-	20%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 của Nhựa Pha Lê

() Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 chỉ phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2018. Kế hoạch kinh doanh năm 2019 do Ban Tổng Giám đốc tạm xây dựng và sẽ được trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.*

Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Hội đồng quản trị Công ty đã cùng thảo luận và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018, sau khi phân tích và đánh giá các năng lực nội tại của công ty và tác động của các điều kiện thuận lợi, bất lợi từ bên ngoài. Cụ thể như sau:

✓ **Năng lực sản xuất của các nhà máy:**

Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa trên 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 4.500 tấn/ tháng. Công ty cũng đang tiến hành nhập 02 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công nghệ tiên tiến trên thế giới với công suất thiết kế là hơn 2.000 tấn/ tháng/ dây chuyền về để nâng cao năng lực sản xuất trong năm 2017. Dự kiến sau khi hoàn thành, tổng công suất thiết kế của nhà máy sẽ đạt 9.000 tấn/ tháng. Giá bán hạt nhựa Filler hiện nay giao động trọng khoảng từ 7 - 10 triệu đồng/tấn và đang được dự báo sẽ tăng trong những năm tới. Đây được xem là một trong những yếu tố quan trọng để HĐQT đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.

✓ **Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty**

Với những ứng dụng rộng rãi của sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch, nhu cầu về sản phẩm của Công ty đang tăng trưởng mạnh, không chỉ trong nước mà cả trên thị trường quốc tế.

Lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam được đánh giá là một ngành khá hấp dẫn với mức tăng trưởng trung bình 15% – 20% mỗi năm. Tuy nhiên, từ đầu 2017 đến nay, các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đang đứng trước một mối lo rất lớn về nguyên liệu đầu vào. Đó là hạt nhựa PP phải chịu mức thuế nhập khẩu mới lên tới 3%. Hạt nhựa PP là nguyên liệu chính của cả ngàn doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa hiện nay. Mặt hàng này phải nhập khẩu tới 80%, vì vậy việc áp dụng biểu thuế nhập khẩu mới đã tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm, và gián tiếp đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt trong mối tương quan với các doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, ngành bao bì trong nước được dự đoán sẽ phải đối đầu với nhiều thách thức lớn về mặt công nghệ khi yêu cầu của các khách hàng đối với nhà sản xuất ngày càng khắt khe, đòi hỏi bao bì phải mỏng, nhẹ, thân thiện với môi trường, phải thiết kế và in ấn đẹp mắt, ấn tượng. Theo giới phân tích, để giữ vững thị phần cũng như nâng cao khả năng xuất khẩu đến những thị trường mới, các doanh nghiệp sản xuất cần phải không ngừng phát triển quy mô theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu bằng việc cải tiến công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị. Thêm nữa, yếu tố nguyên liệu thay thế một phần nào đó hạt nhựa PP cũng là một hướng mà các doanh nghiệp đang tìm kiếm. Trong ngành nhựa hiện nay, hạt độn nhựa Filler Masterbatch (hạt Taical) đang được xem là chất phụ gia duy nhất có thể giúp doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa đặc biệt là lĩnh vực bao bì thay thế cho một phần nguyên liệu PP nhập khẩu. Với những ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm nhựa truyền thống như khả năng phân tán tốt, giúp cải thiện khả năng chống ma sát bề mặt, ổn định nhiệt, độ dai, độ cứng, tăng trọng lượng riêng của sản phẩm, giúp hạ giá thành cho các sản phẩm từ nhựa và đặc biệt là thân thiện với môi trường (phân hủy hoàn toàn trong khoảng từ 10-20 năm), nhu cầu về sản phẩm Filler Masterbatch dự kiến ngày càng tăng cao.

Hiện nay, toàn bộ sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch do Nhựa Pha Lê sản xuất đều đã được các đối tác nước ngoài đặt hàng và mua toàn bộ, sản lượng sản xuất đang chưa đủ đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Những năm tiếp theo, Công ty sẽ đầu tư thêm dây chuyền máy móc để tăng sản lượng, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu xuất khẩu và tiến tới bán hàng cho các doanh nghiệp nội địa để hỗ trợ sự phát triển chung của ngành nhựa tại Việt Nam.

✓ **Sự ổn định của thị trường nguyên vật liệu đầu vào**

Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hưng – Quý Hợp – Nghệ An, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động. Đây là yếu tố tiên quyết để đảm bảo sự ổn định về giá thành cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra của Công ty.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Công ty đạt doanh thu thuần 352 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 40 tỷ đồng, đạt 83,8% kế hoạch doanh thu và 65,6% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Công ty, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2016 -2017; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ của Công ty giai đoạn 2018 - 2019, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty được xây dựng một cách hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu PLP của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn thành đợt phát hành, số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HSX theo đúng quy định pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

16.500.000 cổ phiếu, trong đó:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 15.000.000 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 1.500.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

Cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá dự kiến là 12.000 đồng/ cổ phiếu. Đối với số cổ phiếu phát hành trả cổ tức: cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự động ghi nhận là thuộc quyền sở hữu của cổ đông căn cứ vào số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày chốt danh sách cổ đông.

5. Phương pháp tính giá

a. Cơ sở đưa ra giá chào bán

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp tính giá: phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp giá thị trường

Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2017

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của PLP tại 31/12/2017 được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{203.623.908.648}{15.000.000} = 13.575 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Định giá cổ phiếu theo giá thị trường

Tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, giá đóng cửa trung bình của cổ phiếu PLP trong 100 phiên giao dịch (từ ngày 09/11/2017 đến 09/04/2018) là 21.999 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu
Giá theo phương pháp giá trị sổ sách	13.575 đ/cp
Giá theo phương pháp giá trị trường	21.999 đ/cp
Bình quân	17.787 đ/cp

b. Kết luận

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, nhằm tăng hiệu quả huy động vốn của Công ty, mặt khác do đây là đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, ĐHCĐ đã thống nhất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **12.000 đồng/cổ phiếu**.

6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu và nhận cổ phiếu trả cổ tức sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến sẽ được Công ty thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp.

Lộ trình dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 10
3	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu và nhận cổ phiếu trả cổ tức	D + 11 đến D + 30

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 35 đến D + 55
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 30 đến D + 60
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 60 đến D + 70
8	Báo cáo kết quả phát hành	D + 70 đến D + 75

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN

8. Đăng ký mua cổ phiếu

a) Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông của đợt phát hành.

b) Đăng ký mua cổ phiếu

❖ **Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng**

Công ty sẽ gửi thông báo lên Trung tâm lưu ký Chứng khoán để lập Danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 20 ngày kể từ ngày công bố thông tin về ngày chốt danh sách.

❖ **Phân bổ và thông báo quyền mua**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ có danh sách sở hữu cuối cùng, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu.

❖ **Tỷ lệ thực hiện quyền**

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua. Mỗi quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới. Số lượng

cổ phiếu của được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Đối với cổ phiếu trả cổ tức: 10% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 10:1, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, số lượng cổ phiếu được nhận sẽ tính theo công thức:
Số cổ phiếu được nhận = Số quyền x 1 / 10 và được làm tròn xuống hàng đơn vị.

❖ **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:**

Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư này phải tuân thủ theo các tiêu chí sau:

- Tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu hoặc các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính hoặc có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Có mức giá chào mua phù hợp với phương án chào bán.
- Có mong muốn đầu tư lâu dài, sẵn sàng đồng hành cùng sự phát triển của Công ty.

Trường hợp quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết làm phát sinh các điều kiện bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại Điểm 3, Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, HĐQT tiến hành xin ý kiến ĐHĐCĐ về Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

Đối với cổ phiếu trả cổ tức: Cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được giữ lại làm cổ phiếu quỹ

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu và nhận cổ phiếu trả cổ tức, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 188 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là 188 cổ phiếu. Số cổ phiếu trả cổ tức mà cổ đông A được nhận là $(188/10) = 18,8$ cổ phiếu. Như vậy, cổ đông A được nhận 18

cổ phiếu trả cổ tức và được mua 188 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu lẻ là 0,8 cổ phiếu sẽ được giữ lại làm cổ phiếu quỹ

❖ ***Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:***

Các cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 30 ngày, từ ngày D + 30 đến ngày D + 60. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

❖ ***Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:***

Các cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần trong vòng 20 ngày, từ ngày D + 35 đến ngày D + 55.

❖ ***Các quyền khác của cổ đông***

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phần chào bán kèm theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ 3) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ ***Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu***

Đối với cổ phiếu lưu ký: Người sở hữu quyền mua thanh toán tiền mua cổ phiếu thông qua thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán.

Đối với cổ phiếu chưa lưu ký: Người sở hữu quyền mua thực hiện chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa trong thời hạn quy định để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

❖ ***Chuyển giao cổ phiếu***

Đối với cổ phiếu lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ phiếu mua thêm tại Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

Đối với cổ phiếu chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ phiếu mua thêm tại trụ sở

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Văn phòng Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê - Tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.

Các nội dung trên sẽ được quy định cụ thể tại Bản thông báo phát hành, sẽ được thực hiện công bố thông tin và thông báo tới các cổ đông.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Ngày 26/06/2015, Thủ tướng chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó có quy định về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Công ty về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế
1	2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	Không quy định	Không quy định
2	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng	Không quy định	Không quy định
3	3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	Không quy định	Không quy định
4	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
5	2819	Sản xuất máy thông dụng khác	Không quy định	Không quy định
6	810	hai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Không quy định	Không quy định
7	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Không quy định	Không quy định
8	2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	Không quy định	Không quy định
9	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Không quy định	Không quy định

BẢN CÁO BẠCH**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

TT	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế
10	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
11	2212	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	Không quy định	Không quy định
12	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Không quy định	Không quy định
13	3314	Sửa chữa thiết bị điện	Không quy định	Không quy định
14	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Không quy định	Không quy định
15	4321	Lắp đặt hệ thống điện	Không quy định	Không quy định
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	Không quy định	Không quy định
17	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
18	2396	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	Không quy định	Không quy định
19	2410	Sản xuất sắt, thép, gang	Không quy định	Không quy định
20	2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	Không quy định	Không quy định
21	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại	Không quy định	Không quy định
22	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	Không quy định	Không quy định
23	3830	Tái chế phế liệu	Không quy định	Không quy định
24	722	hai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Không quy định	Không quy định
25	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Không quy định	Không quy định
26	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
27	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
28	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	Không quy định	Không quy định

TT	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế
29	0899	hính) - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	Không quy định	Không quy định
30	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
31	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	Không quy định	Không quy định
32	1311	Sản xuất sợi	Không quy định	Không quy định
33	1312	Sản xuất vải dệt thoi	Không quy định	Không quy định
34	1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt	Không quy định	Không quy định
35	1321	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	Không quy định	Không quy định
36	1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	Không quy định	Không quy định
37	2030	Sản xuất sợi nhân tạo	Không quy định	Không quy định
38	2610	Sản xuất linh kiện điện tử	Không quy định	Không quy định
39	2630	Sản xuất thiết bị truyền thông	Không quy định	Không quy định
40	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	Không quy định	Không quy định
41	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định
42	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Không quy định	Không quy định
43	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	Không quy định	Không quy định
44	4220	Xây dựng công trình công ích	Không quy định	Không quy định
45	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
46	4541	Bán mô tô, xe máy	Không quy định	Không quy định
47	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

TT	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế
48	4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	Không quy định	Không quy định
49	4632	Bán buôn thực phẩm	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
50	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Không quy định	Không quy định
51	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	49% theo Nghị định 23/2007/NĐ-CP	Không quy định
52	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	Không quy định	Không quy định
53	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Không quy định	Không quy định

Như vậy, do Điều lệ hiện tại không có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, Công ty cho rằng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay đang là **49%**.

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2018, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty là 14,29 %.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ này, Công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua trong đợt phát hành để phân bổ quyền, Công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Theo quy phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty thông qua:

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Các loại thuế có liên quan

a) Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

32/2013/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013, từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Đối với hoạt động sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 022 21 000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014, Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 10%/năm trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo, đồng thời Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (2016).

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môi trường, thuế môn bài...

b) Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Nếu người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng.

- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1011676642

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Hà Nội

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho mục đích như sau:

TT	Mục đích sử dụng	Tổng giá trị (đồng)
1	Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của chi nhánh Nghệ An và nhà máy Hải Phòng	50.000.000.000
2	Đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo	60.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động	70.000.000.000
	Tổng	180.000.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Ngoài ra, Công ty cũng phát hành 1.500.000 cổ phiếu để trả cổ tức, với tổng giá trị là 15 tỷ đồng theo mệnh giá

2. Phương án khả thi

2.1. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của chi nhánh Nghệ An và nhà máy Hải Phòng

2.1.1. Sự cần thiết của việc đầu tư

❖ Tiềm năng phát triển của thị trường

- Tiềm năng phát triển của ngành nhựa:

Ngành nhựa là một trong những ngành tăng trưởng ổn định của thế giới, trung bình 9% trong vòng 50 năm qua. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 tác động lớn tới nhiều ngành công nghiệp, ngành nhựa vẫn tăng trưởng 3% trong năm 2009 và 2010. Tăng trưởng của ngành Nhựa Trung Quốc và Ấn Độ đạt hơn 10% và các nước Đông Nam Á với gần 20% năm 2014. Sự phát triển liên tục và bền vững của ngành Nhựa là do nhu cầu thế giới đang trong giai đoạn tăng cao. Sản lượng nhựa tiêu thụ trên thế giới ước tính đạt 500 triệu tấn năm 2012 với tăng trưởng trung bình 5%/năm (theo BASF).

Về thị trường trong nước, với tốc độ phát triển nhanh, ngành nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường

rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được phát huy sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm bao bì nhựa, sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và sản phẩm nhựa kỹ thuật cao. Theo Quyết định 2992/QĐ-BCT, về đường lối, chỉ tiêu phát triển ngành nhựa đến năm 2020, định hướng 2030 được Bộ Công Thương phê duyệt, ngành nhựa vẫn là ngành được ưu tiên phát triển, nhận những ưu đãi về thuế và vốn.

- *Tiềm năng phát triển ngành khai thác đá vôi và sản xuất các sản phẩm từ đá vôi:*

Trong giai đoạn 2000-2008, ngành công nghiệp khai thác và chế biến đá vôi trắng tại Việt Nam phát triển rất ồ ạt. Song, các doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý còn ít hiểu về thị trường mặt hàng này, chủ yếu ai mua thì bán, nên dẫn đến sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là sản phẩm thô, bán đá khối, đá chíp và bột đá cấp thấp cho thị trường TP Hồ Chí Minh tái chế xuất khẩu, nên giá trị rất thấp. Đến năm 2013, nhu cầu bột CaCO₃ mịn và siêu mịn của Việt nam khoảng 600.000 tấn, chủ yếu tập trung và các ngành công nghiệp sản xuất Sơn, Giấy, Phụ gia ngành nhựa, Bột matit, Bột xử lý ao, đầm nuôi trồng thủy sản. Theo đánh giá, nhu cầu bột đá vôi trắng dành cho các ngành công nghiệp tại thị trường Việt Nam trong thời gian tới là rất lớn, đặc biệt là đối với ngành giấy và ngành công nghiệp chất dẻo.

Về thị trường quốc tế, sản lượng đá vôi trắng xuất khẩu sang thị trường nước ngoài ngày càng tăng. Nếu năm 2002 sản lượng xuất khẩu chỉ đạt 8.135 m³, đến năm 2008 sản lượng này đạt 423.607 m³. Với sản phẩm bột đá, nhu cầu bột CaCO₃ mịn và siêu mịn trên thế giới năm 2015 khoảng 20 triệu tấn, chủ yếu sử dụng cho các ngành công nghiệp: Giấy, Sơn, Nhựa, Mỹ phẩm, Bột Nano....., tập trung chủ yếu tại thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á. Giá xuất khẩu bột đá trắng siêu mịn tráng phủ và không tráng phủ đang ở mức 40-250 USD/tấn tương đương 904.000 – 5.650.000 VND/tấn tùy từng loại sản phẩm theo độ trắng và kích cỡ từ 0µm - 25µm, cao hơn nhiều giá bán đá chip thông thường. Hiện nay các quốc gia sản xuất bột CaCO₃ mịn và siêu mịn lớn bao gồm: Trung quốc (3.000.000 tấn/năm), Malaysia (1.500.000 tấn/năm), và Việt Nam (600.000 tấn/năm), trong đó Trung Quốc chủ yếu sản xuất cho thị trường nội địa, sản phẩm bột đá của Malaysia tuy được ưa thích do hệ thống logistics nhanh và chất lượng, nhưng độ trắng của nguyên liệu thấp hơn nhiều với độ trắng của bột đá tại Việt nam (>97%). Do đó, sản phẩm bột đá của Việt Nam được đánh giá là có khả năng cạnh tranh cao và nhiều tiềm năng phát triển.

❖ **Tăng năng suất hoạt động**

Công ty đang sản xuất dựa trên 4 dây chuyền nghiền bột mịn tại Hải Phòng với công suất

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

tối đa 2,5 tấn/ giờ/ dây chuyền. Do đặc thù và số lượng lao động phổ thông tại nhà máy Hải Phòng hạn chế, thời gian hoạt động tối đa của mỗi dây chuyền là 23 giờ/ ngày và 26 ngày/ tháng. Tổng công suất tối đa của cả 4 dây chuyền nghiền bột mịn hiện nay đang là **5.980 tấn/ tháng**. Sau khi di chuyển về chi nhánh Nghệ An, Nhựa Pha Lê có khả năng duy trì 4 dây chuyền hoạt động 24/24, qua đó nâng tổng công suất tối đa của cả 4 dây chuyền lên **7.200 tấn/ tháng**.

Vị trí đặt máy	Công suất (tấn/ giờ)	Số dây chuyền	Giờ chạy máy/ ngày	Số ngày hoạt động/ tháng	Sản lượng tối đa/ tháng
Hải Phòng	2,5	4	23 giờ	26 ngày	5.980 tấn
Nghệ An	2,5	4	24 giờ	30 ngày	7.200 tấn

Như vậy, với việc di chuyển dây chuyền nghiền bột mịn từ Hải Phòng về Nghệ An, sản lượng bột mịn tối đa của Nhựa Pha Lê tăng thêm 1.220 tấn/ tháng

❖ **Cắt giảm chi phí**

Việc di chuyển dây chuyền nghiền bột từ Hải Phòng về Nghệ An giúp Nhựa Pha Lê cắt giảm được các chi phí liên quan như:

- Chi phí tiền dầu xúc lật: sau khi đầu tư, sản phẩm đá CaCO₃ khai thác tại mỏ được đưa vào dây chuyền nghiền bột, không phát sinh phí xúc, lật và lên xuống hàng.
- Chi phí tiền nước rửa đá: nước rửa đá được lấy trực tiếp từ suối cạnh mỏ không phát sinh chi phí
- Chi phí lương nhân công nghiền thô: Nhựa Pha Lê dự kiến sử dụng số lao động hiện có ở Nghệ An (đang sử dụng trong dây chuyền nghiền tuyển đá) để thực hiện công đoạn nghiền thô của dây chuyền nghiền bột mịn
- Chi phí tiêu hao do bột và đá không đạt chuẩn: Việc sản xuất bột đá ngay tại mỏ giúp Nhựa Pha Lê loại bỏ trực tiếp số lượng đá không đạt chuẩn, tránh được các chi phí xử lý sản phẩm không đạt.
- Việc vận chuyển hàng bột mịn giúp tiết kiệm không gian, tăng khối lượng vận chuyển được mỗi chuyến giúp giảm chi phí vận tải.
- Chi phí nhân công ở Nghệ An

Dự kiến việc chuyển dây chuyền sản xuất bột về Nghệ An giúp công ty giảm được giá thành sản xuất khoảng 90.000 đồng/ tấn sản phẩm.

❖ **Tận dụng nguyên vật liệu, khép kín dây chuyền sản xuất**

Hiện tại các sản phẩm của Nhựa Pha Lê đều sử dụng nguyên liệu đá CaCO₃ chất lượng

cao khai thác từ mỏ đá Thung Hung, Nghệ An (đá loại A). Trong khi đó, thực tế quá trình khai thác đá còn tạo ra các loại đá chất lượng thấp hơn (đá loại A 1:3 hoặc B,C). Do không có nhu cầu sử dụng, công ty đã bán lượng đá thải loại này nhưng giá bán thấp nên chỉ đủ bù đắp chi phí sản xuất. Năm 2018, Nhựa Pha Lê dự định đầu tư để sử dụng dây chuyền sản xuất bột đá sử dụng cho thức ăn chăn nuôi (For Feed) và dây chuyền sản xuất bột bả / bột tôm có sử dụng các loại đá từ đá A đến đá B và đá C, qua đó tận dụng được nguồn đá thải loại hiện nay (tỷ lệ đá thải loại đang chiếm khoảng gần 50% lượng đá khai thác), đảm bảo tiết kiệm nguồn tài nguyên đá.

❖ **Ứng dụng công nghệ mới**

Theo kế hoạch, Nhựa Pha Lê sẽ nhập khẩu 2 dây chuyền đùn hạt nhựa về nhà máy Hải Phòng. Dây chuyền đùn hạt nhựa mới được sản xuất theo công nghệ tiến tiến nhất hiện nay, giúp tăng năng suất mỗi dây chuyền lên 1,5 lần so với công suất dây chuyền cũ. Ngoài ra, nguyên liệu sử dụng cho dây chuyền đùn hạt nhựa mới là bột đá đã qua tráng phủ axit giúp giảm tỷ lệ hàng lỗi, tăng chất lượng hạt nhựa và sản phẩm không sử dụng dầu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đạt tiêu chuẩn cao của Châu Âu.

Dự kiến quá trình đầu tư nâng cao năng lực sản xuất tại Xưởng nghiền tuyển đá & Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ – Nghệ An và Nhà máy sản xuất phụ gia ngành nhựa – CaCO₃ Filler Master Batch – Hải Phòng giai đoạn một sẽ bao gồm các hạng mục đầu tư chính như sau:

2.1.2. Tổng mức đầu tư

STT	Phân loại	Số tiền (đồng)
1	Máy móc thiết bị	73.364.594.000
2	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.604.440.000
3	Phương tiện vận tải	
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.525.000.000
5	TSCĐ khác	13.234.403.400
6	Thủ tục pháp lý	1.950.000.000
Tổng mức đầu tư		124.678.437.400
1	Vốn vay ngân hàng (60%)	75.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu (40%)	50.000.000.000

2.1.3. Phương án khả thi

❖ **Các giả định**

- Giả định công ty hoạt động liên tục và ổn định trong giai đoạn 2018 - 2023;
- Giả định tỷ lệ biến động tỷ giá hối đoái và tỷ lệ lạm phát hàng năm là 0%;
- Thuế TNDN giả định không đổi là 5% tính trên lợi nhuận hàng năm, sau khi bù đắp lỗ lũy kế (Công ty vẫn trong giai đoạn giảm 50% thuế TNDN);
- Năm 2017, kết quả kinh doanh của Công ty đạt 51.724.339.456 đồng lợi nhuận sau thuế. Hiện nay, hệ thống máy móc của Công ty đang hoạt động tối đa công suất, do đó, trong trường hợp không thực hiện đầu tư mới, sản lượng và kết quả kinh doanh những năm tiếp theo của Công ty dự kiến sẽ không đổi và bằng kết quả kinh doanh năm 2017.
- Lãi suất chiết khấu bằng lãi suất vay ngắn hạn là 10%/năm, lãi suất vay dài hạn là 10,5%/năm;

Giả định sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện tại	Sau khi đầu tư	Chênh lệch
I	Số lượng dây chuyền				
1	Dây chuyền Filler Masterbatch		4	6	2
2	Dây chuyền tráng phủ axit	Dây chuyền	0	2	2
3	Dây chuyền nghiền bột		4	4	-
4	Dây chuyền tuyển đá		1	2	1
II	Sản lượng và kế hoạch tiêu thụ sản phẩm/tháng	Tấn			
1	Filler Masterbatch	Tấn	3.500	6.125	2.625
2	Bột đá mịn	Tấn	5.980	7.200	7.200
3	Đá chip loại A	Tấn	10.350	21.700	10.350
4	Đá chip loại B,C	Tấn	7.530	15.060	7.530

Công suất dây chuyền

Sản phẩm	Sản lượng tối đa (tấn/tháng)	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Từ năm 2022
Filler Masterbatch	6.125	60%	74%	83%	91%	100%
Bột đá	7.200	50%	79%	86%	93%	100%
Đá chip A	21.700	64%	84%	98%	99%	100%
Đá chip loại B,C	15.060	66%	85%	100%	100%	100%

Giả định về giá bán

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Giá bán
1	Filler thường	vnđ/tấn	7.144.200
2	Filler không dầu	vnđ/tấn	7.711.200
3	Bột đá	vnđ/tấn	1.150.000
4	Bột trắng phủ	vnđ/tấn	1.500.000
5	Đá A	vnđ/tấn	525.000
6	Đá AB	vnđ/tấn	476.280
7	Đá B,C xuất khẩu	vnđ/tấn	340.500
8	For Feed, Bột bả	vnđ/tấn	340.500

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

❖ **Đánh giá hiệu quả**

Đơn vị tính: đồng

Năm		2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng doanh thu		420.845.430.000	545.643.264.000	616.902.240.000	665.482.800.000	714.063.360.000	714.063.360.000
Tổng chi phí		359.402.853.489	475.181.413.105	527.855.227.012	567.860.270.027	607.865.197.867	606.372.796.972
Giá vốn hàng bán		275.605.301.819	364.440.864.268	404.602.092.815	438.967.168.806	473.332.244.797	473.332.244.797
Chi phí tài chính		20.090.022.740	24.908.789.821	25.066.352.901	24.842.009.260	24.617.544.383	23.046.596.072
Chi phí bán hàng		49.635.906.000	63.878.807.514	72.873.008.432	76.661.609.351	80.450.210.270	80.450.210.270
Chi phí QLDN		14.071.622.930	18.244.433.034	20.627.087.969	22.251.454.716	23.875.821.463	23.875.821.463
Thuế TNDN ^(*)		-	3.708.518.468	4.686.684.894	5.138.027.893	5.589.376.954	5.667.924.370
LNST		61.442.576.511	70.461.850.895	89.047.012.988	97.622.529.973	106.198.162.133	107.690.563.028
LNST hiện tại		51.724.339.456	51.724.339.456	51.724.339.456	51.724.339.456	51.724.339.456	51.724.339.456
LNST tăng thêm		9.718.237.055	18.737.511.439	37.322.673.532	45.898.190.517	54.473.822.677	55.966.223.572
Khấu hao TSCĐ		3.116.960.935	12.467.843.740	12.467.843.740	12.467.843.740	12.467.843.740	12.467.843.740
Trả gốc vay		7.480.706.244	14.961.412.488	14.961.412.488	14.961.412.488	14.961.412.488	7.480.706.244
Dòng tiền thuần trong kỳ	-77.717.215.419	5.354.491.746	16.243.942.691	34.829.104.784	43.404.621.769	51.980.253.929	60.953.361.068

(*): Năm 2018 Công ty vẫn được ưu đãi thuế TNDN 0%

Vốn đầu tư: **77.717.215.419 đồng**

- Lãi suất chiết khấu: **10%/ năm**
- NPV: **63.071.044.310 đồng**

- IRR: **27,21%**
- Thời gian hoàn vốn: **03 năm 06 tháng**

2.2. Đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo

2.2.1. Sự cần thiết của việc đầu tư

❖ Tận dụng năng suất dây chuyền hiện tại và nguyên liệu dư thừa

Hiện tại các sản phẩm của Nhựa Pha Lê đều sử dụng nguyên liệu đá CaCO₃ chất lượng cao khai thác từ mỏ đá Thung Hung, Nghệ An (đá loại A). Trong khi đó, thực tế quá trình khai thác đá còn tạo ra các loại đá chất lượng thấp hơn (đá loại AB hoặc B,C). Do không có nhu cầu sử dụng, công ty đã bán lượng đá thải loại này nhưng giá bán thấp nên chỉ đủ bù đắp chi phí sản xuất. Như vậy, với quá trình sản xuất có sử dụng đến hầu hết các loại đá từ đá A đến đá B và đá C, việc đầu tư dây chuyền sản xuất đá Marble nhân tạo sẽ tận dụng được nguồn đá thải loại hiện nay (tỷ lệ đá thải loại đang chiếm khoảng gần 50% lượng đá khai thác), đảm bảo tiết kiệm nguồn tài nguyên đá. Bên cạnh đó, dây chuyền sản xuất đá Marble sẽ được đặt tại Nghệ An giúp giảm chi phí vận chuyển và từ đó giảm giá thành sản xuất.

Bên cạnh việc tận dụng nguyên liệu dư thừa, dây chuyền sản xuất đá Marble nhân tạo còn tận dụng được năng lực sản xuất của dây chuyền nghiền và tuyển đá tại nhà máy Nghệ An. Trong năm 2018, Công ty dự kiến đầu tư thêm 1 dây chuyền tuyển đá qua đó nâng tổng công suất nhà máy Nghệ An lên khoảng 40.000 tấn/ tháng. Sản lượng này không chỉ đủ để phục vụ dây chuyền sản xuất sản phẩm chính – Filler Masterbatch – mà còn thừa một lượng đá khai thác để bán trực tiếp cho khách hàng. Sau khi đầu tư, một phần công suất của dây chuyền nghiền, tuyển đá sẽ được sử dụng để phục vụ cho việc sản xuất đá Marble, qua đó giúp giảm chi phí đầu tư.

❖ Tận dụng nhu cầu thị trường

Năm 2017 chứng kiến sự phát triển bùng nổ của thị trường bất động sản trên cả nước. Phân khúc đất nền sôi lên cơn sốt suốt từ Nam ra Bắc, có những khu vực giá đất sốt "bồng tay" tăng gấp 2-3 lần chỉ trong vòng chưa đầy 1 năm. Tại TPHCM, giá đất nền đã được đẩy lên đỉnh điểm cao nhất trong lịch sử. Cơn sốt bắt nguồn từ phía Đông tại quận 2, quận 9, Thủ Đức rồi nhanh chóng lan sang khu Nam Sài Gòn và tiếp tục kéo sang càn quét trực phía Tây TPHCM, khu vực Cần Giờ. Cơn sốt mạnh mẽ đến mức chính quyền TPHCM đã phải huy động cả công an vào cuộc để dẹp loạn cò đất. **Dòng vốn FPI ồ ạt đổ vào bất động sản:** theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ 3 về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2017 với tổng vốn đăng ký 3,05 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Dự án có vốn đầu tư FDI lớn nhất trong năm 2017 là

Khu phức hợp thông minh tại khu chức năng số 2A trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, TP HCM với tổng vốn đầu tư đăng ký 885,85 triệu USD do liên doanh từ Hàn Quốc đầu tư.

Đánh giá về triển vọng thị trường bất động sản năm 2018, giới chuyên môn cho rằng diễn biến sẽ tiếp tục đà khả quan. Theo nhận định của Hội Môi giới Bất động sản Việt Nam trong báo cáo vừa mới công bố, năm 2018 được dự báo tiếp tục là một năm thành công đối với thị trường bất động sản trên toàn quốc với bốn xu hướng chính. Thứ nhất, thị trường bất động sản nhà, đất ở tiếp tục có sức tiêu thụ tốt ở tất cả các phân khúc. Xu hướng chủ đạo là nguồn cung nhà ở vừa túi tiền tiếp tục được duy trì trong khi nhà ở cao cấp sẽ có nguồn cung hạn chế, nhất là tại Hà Nội vì đã không còn đủ quỹ đất phù hợp để phát triển phân khúc này. Thứ hai, nguồn cung năm nay dự kiến còn lớn hơn năm 2017 do có nhiều dự án đến thời điểm hoặc đủ điều kiện ra hàng. Giá bất động sản khó có sự tăng đột biến nhưng vẫn được dự báo mức tăng khoảng 5% cho cả năm. Thứ ba, phân khúc căn hộ khách sạn (condotel) tiếp tục phát triển mạnh tại các thành phố du lịch, đặc khu kinh tế mới thành lập. Tuy nhiên sự phát triển ồ ạt loại hình này có thể làm dư cung cục bộ trong ngắn hạn, dẫn đến khó có thể tăng giá. Thứ tư, Hội khẳng định thị trường bất động sản sẽ không thể xảy ra bong bóng hoặc sốt ảo do chất lượng kiểm soát rất tốt của nhà nước bằng các chính sách kịp thời và các nhà đầu tư, phát triển bất động sản cũng khá linh hoạt và nhạy bén trong việc đưa ra các dòng sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thị trường bất động sản phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng và vật liệu đi kèm, trong đó có ngành sản xuất đá Marble nhân tạo.

❖ **Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh**

Việc đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh lâu nay luôn được xem là hướng đi đúng của các tập đoàn kinh tế khi vừa đảm bảo được mức tăng trưởng, vừa giảm rủi ro phi hệ thống của các ngành nghề khác nhau.

Với cơ cấu sản phẩm Filler Masterbatch chiếm gần 90% cơ cấu doanh thu và lợi nhuận, kết quả kinh doanh của Nhựa Pha Lê đang phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của ngành nhựa. Với đặc điểm chi phí nguyên liệu đầu chịu ảnh hưởng lớn bởi giá dầu (giá dầu tác động đến chi phí vận chuyển và chi phí hạt nhựa nguyên sinh đầu vào), kết quả kinh doanh của công ty sẽ chịu ảnh hưởng khi giá dầu thế giới biến động mạnh. Sau khi đầu tư, dây chuyền đá Marble có thể mang lại doanh thu lên đến hơn 600 tỷ đồng/năm cho Nhựa Pha Lê, qua đó giảm phụ thuộc vào sản phẩm Filler Masterbatch. Đồng thời, ngành sản xuất đá Marble nhân tạo ít chịu ảnh hưởng của ngành dầu khí do đó sẽ giảm rủi ro cho Công ty khi giá dầu

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

thế giới có những biến động bất lợi.

2.2.2. Tổng mức đầu tư

STT	Phân loại	Số tiền (đồng)
1	Máy móc thiết bị	51.090.500.000
2	Nhà cửa, vật kiến trúc	57.865.000.000
3	Phương tiện vận tải	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	21.600.000.000
5	TSCĐ khác	16.170.550.000
6	Thủ tục pháp lý	3.100.000.000
Tổng TSCĐ		149.826.050.000
1	Vốn vay ngân hàng (60%)	90.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu (40%)	60.000.000.000

2.2.3. Phương án khả thi

❖ **Các giả định**

- Giả định công ty hoạt động liên tục và ổn định trong giai đoạn 2018 - 2024;
- Giá bán hàng và các chi phí khác được giả định là không tăng theo tỷ lệ lạm phát;
- Giả định tỷ lệ biến động tỷ giá hối đoái và tỷ lệ lạm phát hàng năm là 0%; thuế TNDN giả định không đổi là 20% tính trên lợi nhuận hàng năm, sau khi bù đắp lỗ lũy kế;
- Lãi suất chiết khấu bằng lãi suất vay ngắn hạn là 10%/năm, lãi suất vay dài hạn là 10,5%/năm;

Giả định sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện tại	Sau khi đầu tư	Chênh lệch
1	Số lượng dây chuyên	Dây chuyên	0	1	1
2	Sản lượng và kế hoạch tiêu thụ sản phẩm/tháng	m ²	0	149.500	149.500

Công suất dây chuyên

Sản phẩm	Sản lượng tối đa (m ² / tháng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Từ năm 2023
Đá Marble nhân tạo	149.500	30%	50%	70%	90%	100%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Giá định về giá bán: 363.200 VNĐ/ m² (tương đương 16 USD/m²)

❖ **Đánh giá hiệu quả**

Đơn vị tính: đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng doanh thu		195.474.240.000	325.790.400.000	456.106.560.000	586.422.720.000	651.580.800.000	651.580.800.000
Tổng chi phí		196.831.746.565	306.650.053.100	416.527.740.282	526.133.926.151	580.181.895.793	576.084.361.209
Giá vốn hàng bán		166.233.425.741	258.673.101.320	351.112.776.900	443.552.452.480	489.772.290.269	486.538.180.269
Chi phí tài chính		14.526.697.894	16.745.203.479	18.019.804.949	19.294.406.419	18.987.803.039	17.099.994.809
Chi phí bán hàng		12.857.298.344	21.428.830.573	30.000.362.803	38.571.895.032	42.857.661.147	42.857.661.147
Chi phí QLDN		12.857.298.344	21.428.830.573	30.000.362.803	38.571.895.032	42.857.661.147	42.857.661.147
Chi phí khác		3.214.324.586	5.357.207.643	7.500.090.701	9.642.973.758	10.714.415.287	10.714.415.287
Thuế TNDN		-	4.445.710.084	9.894.704.930	15.072.198.462	17.849.726.052	18.874.109.698
LNST		-1.357.506.565	19.140.346.900	39.578.819.718	60.288.793.849	71.398.904.207	75.496.438.791
Khấu hao TSCĐ		16.351.660.000	16.351.660.000	16.351.660.000	16.351.660.000	16.351.660.000	13.117.550.000
Trả gốc vay		8.989.563.000	17.979.126.000	17.979.126.000	17.979.126.000	17.979.126.000	8.989.563.000
Dòng tiền thuần trong kỳ	-116.695.062.979	6.004.590.435	17.512.880.900	37.951.353.718	58.661.327.849	69.771.438.207	79.624.425.791

Vốn đầu tư ban đầu: **116.695.062.979 đồng**

- Lãi suất chiết khấu: **10%/ năm**
- NPV: **60.085.487.158 đồng**

- IRR: **21,32%**
- Thời gian hoàn vốn: **03 năm 11 tháng**

2.3. Bổ sung vốn lưu động

Quá trình hoạt động của các dự án trên sẽ phát sinh nhu cầu vốn lưu động để mua nguyên vật liệu, trả lương cán bộ công nhân viên và trả các chi phí sản xuất khác. Do đó, để đảm khả năng thanh toán, Nhựa Pha Lê dự kiến sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động. Nguồn vốn lưu động này sẽ được ưu tiên sử dụng vào việc nhập nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch và sản xuất. Ngoài ra Công ty cũng sẽ cân đối số tiền thu được để thanh toán trả nợ vay ngân hàng đến hạn, trả lương cho cán bộ quản lý và chi phí quản lý khác.

Dự kiến số tiền sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động là **70.000.000.000 đồng**.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Bảng 17 - Kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của chi nhánh Nghệ An và Hải Phòng

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Phân loại	Số tiền (đồng)	Dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thu được của đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân dự kiến
I	Máy móc thiết bị	73.364.594.000	29.345.837.600	Quý 4/2018
	Di chuyển hệ thống máy nghiền bột mịn từ Hải Phòng về Nghệ An	3.100.000.000	1.240.000.000	
	Hệ thống tráng phủ mới	8.251.874.000	3.300.749.600	
	Hệ thống tuyển đá mới	4.970.000.000	1.988.000.000	
	Dây chuyền FF,HC	30.000.000.000	12.000.000.000	
	Hệ thống 2 dây chuyền Filler Masterbatch mới	25.642.720.000	10.257.088.000	
	Di chuyển 4 dây chuyền cũ	400.000.000	160.000.000	
	Hệ thống phụ trợ	1.000.000.000	400.000.000	
II	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.604.440.000	11.841.776.000	Quý 4/2018
	Hệ thống nhà xưởng mới (cho dây chuyền nghiền và tuyển đá mới)	12.584.520.000	5.033.808.000	
	Nhà điều hành nhà máy Nghệ An	352.320.000	140.928.000	
	Hệ thống phụ trợ (Nhà khí nén, trạm cân, tháp nước, hệ thống cấp thoát nước, ...)	940.400.000	376.160.000	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

STT	Phân loại	Số tiền (đồng)	Dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thu được của đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân dự kiến
	Văn phòng điều hành nhà máy Hải Phòng	3.800.600.000	1.520.240.000	
	Kho nguyên liệu, téc dầu	10.370.500.000	4.148.200.000	
	Nhà, xưởng khác (nhà bảo vệ, nhà để xe, xưởng cơ khí, ...)	1.556.100.000	622.440.000	
III	Thiết bị, dụng cụ quản lý (hệ thống trạm điện, trạm cân, ...)	6.525.000.000	2.610.000.000	Quý 4/2018
	Thiết bị, dụng cụ quản lý (hệ thống trạm điện, trạm cân nhà máy, ...)	6.525.000.000	2.610.000.000	
IV	TSCĐ khác (hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý đầu tư mới, phí dự phòng, ...)	13.234.403.400	5.293.761.360	Quý 4/2018
	TSCĐ khác (hệ thống phòng cháy chữa cháy, phí dự phòng, ...)	13.234.403.400	5.293.761.360	
V	Thủ tục pháp lý	1.950.000.000	780.000.000	Quý 4/2018
	Tiền thuê đất, phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ...	1.950.000.000	780.000.000	
	Tổng mức đầu tư	124.678.437.400	49.871.374.960	

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Bảng 18 – Kế hoạch đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Phân loại	Số tiền	Dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thu được của đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân dự kiến
I	Máy móc thiết bị	51.090.500.000	20.436.200.000	
	Máy nén ép tạo đá khối	31.780.000.000	12.712.000.000	
	Hệ thống máy xẻ đá và dây chuyền mài bóng	6.810.000.000	2.724.000.000	Quý 1/2019
	Phí thiết kế và chuyển giao công nghệ và hệ thống phi tiêu chuẩn	12.500.500.000	5.000.200.000	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

STT	Phân loại	Số tiền	Dự kiến sử dụng từ nguồn tiền thu được của đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân dự kiến
II	Nhà cửa, vật kiến trúc	57.865.000.000	23.146.000.000	
	San lấp mặt bằng	8.500.000.000	3.400.000.000	
	Hệ thống nhà xưởng chính và nhà kho	43.296.000.000	17.318.400.000	Quý 1/2019
	Hệ thống nhà điều hành, trạm điện, hàng rào nhà máy,...	6.069.000.000	2.427.600.000	
III	Thiết bị, dụng cụ quản lý	21.600.000.000	8.640.000.000	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý (hệ thống trạm điện, trạm cân, ...)	6.525.000.000	2.610.000.000	Quý 1/2019
IV	TSCĐ khác	16.170.550.000	6.468.220.000	
	TSCĐ khác (hệ thống phòng cháy chữa cháy, phí dự phòng, ...)	16.170.550.000	6.468.220.000	Quý 1/2019
V	Thủ tục pháp lý	3.100.000.000	1.240.000.000	
	Tiền thuê đất, phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ...	3.100.000.000	1.240.000.000	Quý 1/2019
	Tổng mức đầu tư	149.826.050.000	59.930.420.000	

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Bảng 19 - Kế hoạch bổ sung vốn lưu động

Mục đích sử dụng vốn	Thời gian	Số tiền (VNĐ)
A. Trả nợ vay ngân hàng		45.800.196.396
<i>Ngân hàng Agribank</i>		<i>7.273.803.238</i>
	04/11/2018	5.026.450.000
	07/11/2018	279.272.743
	08/11/2018	175.782.495
	14/11/2018	680.000.000
<i>Ngân hàng VPBank</i>		<i>2.499.142.880</i>
	12/11/2018	1.174.142.880
	15/11/2018	1.325.000.000

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Mục đích sử dụng vốn	Thời gian	Số tiền (VNĐ)
Ngân hàng BIDV		36.027.250.278
	03/11/2018	438.243.581
	11/11/2018	2.015.130.560
	12/11/2018	2.815.428.000
	15/11/2018	3.177.460.219
	17/11/2018	90.250.000
	19/11/2018	3.787.648.800
	22/11/2018	722.220.125
	24/11/2018	3.016.100.000
	30/11/2018	323.987.200
	30/12/2018	6.841.316.411
	31/12/2018	3.720.402.720
	04/01/2019	4.588.981.550
	05/01/2019	2.354.297.405
06/01/2019	2.135.783.707	
B. Chi mua nguyên vật liệu		25.565.224.326
	Tháng 11-12/2018	25.565.224.326
TỔNG CỘNG		71.365.420.722

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Bảng 20 - Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ thành công tối thiểu
Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của chi nhánh Nghệ An và nhà máy Hải Phòng	50.000.000.000	30%
Đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo	60.000.000.000	30%
Bổ sung vốn lưu động	70.000.000.000	Không quy định

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có, để đầu tư các dự án của Công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024. 3850 1686
Website: www.grantthornton.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.38181888 Fax: 024.38181688
Website: <http://www.shs.com.vn>



Biên cơ hội thành giá trị

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng. Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Điện thoại: (028) 39151368 Fax: (028) 39151369

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiến hành đăng ký chào bán ra công chúng 16.500.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động (i) đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của các nhà máy và (ii) bổ sung vốn lưu động. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 180 tỷ đồng. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ số quyền mua sở hữu thì số cổ phần này sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các đối tượng khác do Hội đồng quản trị lựa chọn.

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/03/2018, Hội đồng quản trị Công ty đang sở hữu hơn

40% vốn điều lệ. Công ty cũng có hai đối tác tham gia với vai trò cổ đông lớn và CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (sở hữu hơn 9%) và Quỹ PYN Elite Fund (sở hữu hơn 11% vốn điều lệ). Đây đều là những cổ đông có mong muốn gắn bó lâu dài với công ty, do đó nhiều khả năng sẽ thực hiện toàn bộ quyền mua cổ phiếu.

Mức giá bình quân của cổ phiếu PLP trong 100 phiên giao dịch (từ 09/11/2017 đến 09/04/2018) là 21.999 đồng/ cổ phiếu, cao hơn rất nhiều mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (dự kiến là 12.000 đồng/ cổ phiếu). Nếu giá của cổ phiếu PLP trên thị trường tiếp tục duy trì ở mức hiện tại hoặc cao hơn, tính hấp dẫn của đợt phát hành sẽ tăng lên.

Ngoài ra, Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cho thấy sự đồng thuận của cổ đông hiện hữu trong việc tiếp tục tham gia đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, với triển vọng, tiềm năng phát triển của Công ty cũng như tính khả thi của hiệu quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thì khả năng thu hút sự quan tâm của các cổ đông, nhà đầu tư đối với cổ phiếu PLP là rất tốt, từ đó đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành.

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Phụ lục 3. Điều lệ công ty

Phụ lục 4. BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018

Các phụ lục khác

Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Yên
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Mai Thanh Phương

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

[Signature]

Đình Đức Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Trịnh Thị Bội Giao

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Tiến